

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Hoàng Huệ Anh

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Văn Thụ

HẢI PHÒNG - 2019

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI
NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY TNHH CHẾ
BIẾN LÂM SẢN QUẾ LÂM**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Hoàng Huệ Anh
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Văn Thụ**

HẢI PHÒNG - 2019

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Hoàng Huệ Anh

Mã SV: 1512401085

Lớp: QT1903K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua,
người bán tại Công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quê Lâm

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Trình bày các cơ sở lý luận về công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.
 - Phân tích thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm.
 - Đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
 - Các văn bản của Nhà nước về chế độ kế toán liên quan đến công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán trong doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ.
 - Quy chế, quy định về kế toán – tài chính tại doanh nghiệp
 - Hệ thống sổ kế toán liên quan đến tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm, sử dụng số liệu năm 2018
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.
 - Công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm
 - Địa chỉ: Số 27B đường Nguyễn Công Hòa, Phường Lam Sơn, Quận Lê Chân, Hải Phòng

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Nguyễn Văn Thụ

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày tháng năm 2019

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày tháng năm 2019

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2019

Hiệu trưởng

GS.TS.NGŨT *Trần Hữu Nghị*

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA VÀ NGƯỜI BÁN TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ ..	3
1.1: Một số vấn đề chung về thanh toán:	3
1.1.1. Sự cần thiết của kế toán thanh toán với người mua, người bán	3
1.1.2: Phương thức thanh toán và hình thức thanh toán:	3
1.2: Nội dung kế toán thanh toán với người mua trong doanh nghiệp vừa và nhỏ	7
1.2.1: Nguyên tắc nghiệp vụ kế toán thanh toán với người mua	7
1.2.2: Chứng từ, tài khoản sử dụng trong kế toán thanh toán với người mua	8
1.2.3: Kế toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến thanh toán với người mua trong doanh nghiệp	10
1.3: Nội dung kế toán thanh toán với người bán trong doanh nghiệp vừa và nhỏ	14
1.3.1: Nguyên tắc nghiệp vụ kế toán thanh toán với người bán	14
1.3.2: Chứng từ, tài khoản sử dụng trong kế toán thanh toán với người bán	15
1.3.3: Kế toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến thanh toán với người bán trong doanh nghiệp	17
1.4: Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua, người bán có liên quan đến ngoại tệ	21
1.4.1: Tỷ giá và quy định sử dụng tỷ giá trong kế toán	21
1.4.2: Tài khoản sử dụng	22
1.4.3: Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua liên quan đến ngoại tệ.	23
1.4.4: Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người bán liên quan đến ngoại tệ	24
1.5. Vận dụng các hình thức sổ sách kế toán vào công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán trong doanh nghiệp vừa và nhỏ	25
1.5.2. Đặc điểm kế toán thanh toán theo hình thức kế toán Nhật ký-Sổ cái	27
1.5.3. Đặc điểm kế toán thanh toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ	30
1.5.4. Đặc điểm kế toán thanh toán theo hình thức kế toán trên Máy tính	32
CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN LÂM SẢN QUẾ LÂM	33

2.1: Khái quát chung về Công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm:	33
2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển	33
2.1.2. Đặc điểm hoạt động kinh doanh của công ty	34
2.1.3. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm	34
2.1.4. Đặc điểm công tác kế toán tại Công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm .	37
2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán	37
2.1.4.2. Chế độ kế toán áp dụng tại doanh nghiệp.	38
2.1.4.3: Hình thức kế toán	39
2.1.4.4:Hệ thống sổ sách	40
2.2. Thực trạng tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm:	40
2.2.1. Phương thức thanh toán và hình thức thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm.	40
2.2.2. Thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua tại Công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm	41
2.2.3. Thực trạng kế toán thanh toán với người bán tại Công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm	54
CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN THANH TOÁN TẠI CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN LÂM SẢN QUẾ LÂM	68
3.1. Đánh giá thực trạng tổ chức thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm	68
3.1.1. Ưu điểm	68
3.1.2. Hạn chế	70
3.2. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm	72
3.3. Nguyên tắc hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm.	73
3.4. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại Công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm	73
KẾT LUẬN	83

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Hiện nay trong xã hội nói chung, các cơ quan quản lý Nhà nước và các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh nói riêng, bất kỳ doanh nghiệp nào trong hoạt động sản xuất kinh doanh của mình cũng đều bao gồm rất nhiều mối quan hệ kinh tế liên quan tới vấn đề thanh toán như: thanh toán với nhà nước, với cán bộ công nhân viên, thanh toán trong nội bộ, thanh toán với người mua, người cung cấp.

Tuy nhiên chiếm mật độ cao và thường xuyên nhất là quan hệ thanh toán với người mua hàng và người cung cấp. Các hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa phong phú, đa dạng. Đặc biệt là các yếu tố đầu vào của quá trình sản xuất cũng như quá trình tiêu thụ sản phẩm thường tồn tại các hình thức mua bán chịu giữa khách hàng và nhà cung cấp. Do đó việc xác định thời hạn thanh toán cho người bán và quá trình thu nợ các khoản phải thu của người mua là hết sức quan trọng đối với doanh nghiệp mà không gây ứ đọng vốn cũng như thiếu vốn hoạt động.

Trước những thay đổi có thể nói là liên tục phát triển và mở rộng của quan hệ thanh toán với người mua và người bán và ảnh hưởng của nó tới tình hình tài chính của mỗi doanh nghiệp, yêu cầu nghiệp vụ đối với kế toán thanh toán cũng vì thế mà cao hơn, kế toán không chỉ có nhiệm vụ ghi chép mà còn phải chịu trách nhiệm thu hồi nhanh các khoản nợ, tìm nguồn huy động vốn để trả nợ, biết lường trước và hạn chế được rủi ro trong thanh toán.

Nhận thấy vai trò to lớn của công tác kế toán thanh toán trong công ty. Với vốn kiến thức được giảng dạy tại trường cũng như học thực tế trong quá trình giúp đỡ, chỉ dạy của **Ths.Nguyễn Văn Thụ** em đã quyết định đi sâu, tìm hiểu và lựa chọn đề tài **:Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua và người bán tại công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm**".

2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu:

+ Đối tượng nghiên cứu: công tác kế toán thanh toán với người mua và người bán tại công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm.

+ Phạm vi nghiên cứu:

-Về không gian: Công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm.

-Về thời gian: số liệu phân tích được lấy năm 2018.

3.Mục đích nghiên cứu của đề tài

-Nghiên cứu: Lý luận chung về công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán trong doanh nghiệp.

- Mô tả: Thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm.

- Qua nghiên cứu lý luận và mô tả thực trạng có thể đưa ra những đề xuất hợp lý để giúp công ty hoàn thiện công tác kế toán thanh toán tại Công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm.

***Kết cấu của khóa luận:**

Nội dung của đề tài được trình bày trong 3 chương:

Chương I: Cơ sở lý luận chung về kế toán thanh toán với người mua, người bán trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Chương II: Thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua và người bán tại Công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm.

Chương III: Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua và người bán tại Công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm

Em xin cảm ơn sự tận tình chỉ bảo và giúp đỡ của giáo viên hướng dẫn – ThS. Nguyễn Văn Thụ, cùng các anh chị cô chú trong Công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm đã giúp em hoàn thành bài khóa luận này. Em đã cố gắng rất nhiều nhưng do hiểu biết còn hạn hẹp nên bài luận của em không tránh khỏi những thiếu sót, em mong nhận được hơn nữa sự chỉ bảo của thầy cô để có thể hoàn thiện hơn về kiến thức và kỹ năng cần có của mình sau này.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG I

CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI

NGƯỜI MUA VÀ NGƯỜI BÁN TRONG DOANH NGHIỆP

VỪA VÀ NHỎ

1.1: Một số vấn đề chung về thanh toán:

1.1.1. Sự cần thiết của kế toán thanh toán với người mua, người bán.

Doanh nghiệp không thể chi trả tất cả các khoản phát sinh trong hoạt động kinh doanh với lượng vốn chủ sở hữu có hạn, dẫn đến phải chiếm dụng vốn của tổ chức khác làm phát sinh quan hệ thanh toán. Việc quản lý gắt gao quá trình thanh toán với người mua và người bán đảm bảo cho doanh nghiệp có tình hình tài chính vững mạnh để vượt qua những khó khăn có thể gặp phải trong suốt quá trình hoạt động của doanh nghiệp và quyết định sự liên tục của quá trình sản xuất kinh doanh. Quan hệ thanh toán là yếu tố của hoạt động tài chính và là cơ sở cho công tác quản lý tài chính của doanh nghiệp.

Việc hạch toán các nghiệp vụ thanh toán chi tiết theo đối tượng, thời gian và tình hình thanh toán sẽ cung cấp cho nhà quản lý các thông tin cần thiết cho quản lý tài chính. Thông qua các thông tin này các nhà quản trị sẽ nắm được tình hình thanh toán của các doanh nghiệp để từ đó đưa ra các chính sách thu hồi nợ, thanh toán nợ và cân đối tài chính doanh nghiệp giữa vốn chiếm dụng và vốn bị chiếm dụng sao cho hợp lý.

1.1.2: Phương thức thanh toán và hình thức thanh toán:

Phương thức thanh toán : Là cách thức chi trả, thực hiện nghĩa vụ về tài sản trong giao dịch mua bán giữa các cá nhân, các đơn vị, các doanh nghiệp với nhau. Phương thức thanh toán lâu đời nhất đó là hàng đổi hàng, nhưng hiện nay đã có thêm rất nhiều phương thức thanh toán khác như: tiền mặt, chuyển khoản, ghi nợ, tín dụng, Đây là những cách thức nhận trả tiền hàng trong giao dịch mua bán giữa các cá nhân, đơn vị, doanh nghiệp với nhau. Hai bên cần cùng thống nhất phương thức thanh toán cho giao dịch. Trong giao dịch thanh toán phải đi kèm với hóa đơn và biên nhận.

Các phương thức thanh toán tiền mua hàng trong nước:

➤ Phương thức thanh toán chậm trả: Doanh nghiệp đã nhận hàng nhưng chưa thanh toán tiền cho người bán. Việc thanh toán chậm trả có thể thực hiện theo điều kiện tín dụng ưu đãi theo thoả thuận.

➤ Phương thức thanh toán trả ngay: Sau khi nhận được hàng mua, doanh nghiệp thanh toán ngay tiền cho người bán, có thể bằng tiền mặt, bằng tiền cán bộ tạm ứng, bằng chuyển khoản, có thể thanh toán bằng hàng (hàng đổi hàng)...

Các phương thức thanh toán tiền mua hàng nhập khẩu:

➤ Phương thức chuyển tiền: Phương thức chuyển tiền là phương thức mà trong đó khách hàng (người trả tiền) yêu cầu ngân hàng của mình chuyển một số tiền nhất định cho một người khác (người hưởng lợi) ở một địa điểm nhất định bằng phương tiện chuyển tiền do khách hàng yêu cầu.

➤ Phương thức ghi sổ: Phương thức ghi sổ là một phương thức thanh toán mà trong đó người bán mở một tài khoản (hoặc một quyển sổ) để ghi nợ người mua sau khi người bán đã hoàn thành giao hàng hay dịch vụ, đến từng định kỳ (tháng, quý) người mua trả tiền cho người bán.

➤ Phương thức nhờ thu: Phương thức nhờ thu là một phương thức thanh toán trong đó người bán sau khi hoàn thành nghĩa vụ giao hàng hoặc cung ứng một dịch vụ cho khách hàng uỷ thác cho ngân hàng của mình thu hộ số tiền ở người mua trên cơ sở hồi phiếu của người bán lập ra.

Trong phương thức thanh toán nhờ thu bao gồm: nhờ thu phiếu trơn và nhờ thu kèm chứng từ.

+Nhờ thu phiếu trơn: Là phương thức trong đó người bán uỷ thác cho ngân hàng thu hộ tiền ở người mua căn cứ vào hồi phiếu do mình lập ra, còn chứng từ gửi hàng thì gửi thẳng cho người mua không qua ngân hàng.

+Nhờ thu kèm chứng từ: Là phương thức trong đó người bán uỷ thác cho ngân hàng thu hộ tiền ở người mua không những căn cứ vào hồi phiếu mà còn căn cứ vào bộ chứng từ gửi hàng gửi kèm theo với điều kiện là nếu người mua

trả tiền hoặc chấp nhận trả tiền hồi phiếu thì ngân hàng mới trao bộ chứng từ gửi hàng cho người mua để nhận hàng.

➤ Phương thức tín dụng chứng từ: Phương thức tín dụng chứng từ là một sự thoả thuận, trong đó một ngân hàng (ngân hàng mở thư tín dụng) theo yêu cầu của khách hàng (người yêu cầu mở thư tín dụng) sẽ trả một số tiền nhất định cho một người khác (người hưởng lợi số tiền của thư tín dụng) hoặc chấp nhận hồi phiếu do người này phát trong phạm vi số tiền đó khi người này xuất trình cho ngân hàng một bộ chứng từ thanh toán phù hợp với những quy định đề ra trong thư tín dụng.

Hình thức thanh toán: Hiện nay, có hai hình thức thanh toán cơ bản: Thanh toán bằng tiền mặt và thanh toán không bằng tiền mặt.

➤ ***Thanh toán bằng tiền mặt:***

Bao gồm các loại hình thanh toán như thanh toán bằng tiền Việt Nam, trái phiếu ngân hàng, bằng ngoại tệ các loại và các loại giấy tờ có giá trị như tiền. Khi nhận được vật tư, hàng hoá, dịch vụ thì bên mua xuất tiền mặt ở quỹ để trả trực tiếp cho người bán. Hình thức thanh toán này trên thực tế chỉ phù hợp các loại hình giao dịch với số lượng nhỏ và đơn giản, bởi vì với các khoản mua có giá trị lớn việc thanh toán trở nên phức tạp và kém an toàn. Thông thường hình thức này được áp dụng trong thanh toán với công nhân viên, với các nhà cung cấp nhỏ, lẻ . . .

➤ ***Thanh toán không bằng tiền mặt:***

Đây là hình thức thanh toán được thực hiện bằng cách tính chuyển tài khoản hoặc thanh toán bù trừ qua các đơn vị trung gian là ngân hàng. Các hình thức cụ thể bao gồm:

+ Thanh toán bằng Séc: Séc là chứng từ thanh toán do chủ tài khoản lập trên mẫu in sẵn đặc biệt của ngân hàng, yêu cầu ngân hàng tính tiền từ tài khoản của mình trả cho đơn vị được hưởng có tên trên séc. Đơn vị phát hành séc hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc sử dụng séc. Séc chỉ phát hành khi tài khoản ở

ngân hàng có số dư. Séc thanh toán gồm có séc chuyển khoản, séc bảo chi, séc tiền mặt và séc định mức:

- Séc chuyển khoản: Dùng để thanh toán và mua bán hàng hoá giữa các đơn vị trong cùng một địa phương. Séc có tác dụng để thanh toán chuyển khoản không có giá trị để lĩnh tiền mặt, séc phát hành chỉ có giá trị trong thời hạn quy định.

- Séc định mức: Là loại séc chuyển khoản nhưng chỉ được ngân hàng đảm bảo chi tổng số tiền nhất định trong cả quyền séc. Số séc định mức có thể dùng để thanh toán trong cùng địa phương hoặc khác địa phương. Khi phát hành, đơn vị chỉ được phát hành trong phạm vi ngân hàng đảm bảo chi. Mỗi lần phát hành phải ghi số hạn mức còn lại vào mặt sau của tờ séc, đơn vị bán khi nhận séc phải kiểm tra hạn mức còn lại của quyền séc.

- Séc chuyển tiền cầm tay: Là loại séc chuyển khoản cầm tay, được ngân hàng đảm bảo thanh toán.

- Séc bảo chi: Là séc chuyển khoản được ngân hàng đảm bảo chi số tiền ghi trên từng tờ séc đó. Khi phát hành séc đơn vị phát hành đưa đến ngân hàng để đóng dấu đảm bảo chi cho tờ séc đó. Séc này dùng để thanh toán chủ yếu giữa các đơn vị mua bán vật tư, hàng hoá... trong cùng một địa phương nhưng chưa tín nhiệm lẫn nhau.

+Thanh toán bằng thư tín dụng – L/C: Theo hình thức này khi mua hàng, bên mua phải lập một khoản tín dụng tại ngân hàng để đảm bảo khả năng thanh toán cho bên bán. Khi giao hàng xong, ngân hàng của bên mua sẽ phải chuyển số tiền phải thanh toán cho ngân hàng của bên bán. Hình thức này áp dụng cho các đơn vị khác địa phương, không tín nhiệm lẫn nhau. Trong thực tế, hình thức này ít được sử dụng trong thanh toán nội địa nhưng lại phát huy tác dụng và được sử dụng phổ biến trong thanh toán quốc tế, với đồng tiền thanh toán chủ yếu là ngoại tệ.

+Thanh toán bằng thẻ tín dụng: Hình thức này được sử dụng chủ yếu cho các khoản thanh toán nhỏ.

+Thanh toán bằng ủy nhiệm chi:

Ủy nhiệm chi là giấy uỷ nhiệm của chủ tài khoản nhờ ngân hàng phục vụ mình chuyển một số tiền nhất định để trả cho nhà cung cấp, nộp ngân sách Nhà nước, và một số thanh toán khác . . .

+Thanh toán bằng uỷ nhiệm thu: Ủy nhiệm thu là hình thức mà chủ tài khoản uỷ nhiệm cho ngân hàng thu hộ một số tiền nào đó từ khách hàng hoặc các đối tượng khác.

+Thanh toán bù trừ:

Áp dụng trong điều kiện hai tổ chức có quan hệ mua và bán hàng hoá hoặc cung ứng dịch vụ lẫn nhau.Theo hình thức thanh toán này, định kỳ hai bên phải đối chiếu giữa số tiền được thanh toán và số tiền phải thanh toán với nhau do bù trừ lẫn nhau. Các bên tham gia thanh toán chỉ cần phải chi trả số chênh lệch sau khi đã bù trừ .Việc thanh toán giữa hai bên phải trên cơ sở thoả thuận rồi lập thành văn bản để làm căn cứ ghi sổ và theo dõi .

1.2: Nội dung kế toán thanh toán với người mua trong doanh nghiệp vừa và nhỏ

1.2.1Nguyên tắc nghiệp vụ kế toán thanh toán với người mua:

Để theo dõi kịp thời, chính xác các nghiệp vụ thanh toán với người mua kế toán cần tuân thủ các nguyên tắc sau:

❖ Khoản phải thu của khách hàng cần được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng, từng nội dung phải thu, theo dõi chi tiết kì hạn thu hồi và ghi chép theo từng lần thanh toán. Đối tượng phải thu là các khách hàng có quan hệ kinh tế với doanh nghiệp về mua sản phẩm, hàng hóa, nhận cung cấp dịch vụ, kể cả TSCĐ, bất động sản đầu tư, các khoản đầu tư tài chính.

❖ Đối với các khách hàng giao dịch thường xuyên, có số dư nợ lớn thì định kỳ hoặc cuối tháng kế toán phải kiểm tra, đối chiếu từng khoản nợ phát sinh, số đã thanh toán, số còn phải thanh toán, có xác nhận bằng văn bản.

❖ Cần phải phân loại các khoản phải thu khách hàng theo thời gian thanh toán cũng như theo đối tượng nhất là những đối tượng có vấn đề để có kế hoạch và biện pháp thu hồi nợ.

❖ Bên giao ủy thác xuất khẩu ghi nhận phải thu khách hàng đối với các khoản phải thu từ bên nhận ủy thác xuất khẩu về tiền bán hàng xuất khẩu như các giao dịch bán hàng, cung cấp dịch vụ thông thường.

❖ Khi phát sinh các khoản nợ phải thu của khách hàng (bên Nợ), kế toán phải quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh (là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi chỉ định khách hàng thanh toán). Riêng trường hợp nhận trước của người mua, khi đủ điều kiện ghi nhận doanh thu thì bên Nợ áp dụng tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh đối với số tiền đã nhận trước.

❖ Khi thu hồi nợ phải thu của khách hàng (bên Có) kế toán phải quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh cho từng đối tượng khách nợ (Trường hợp khách nợ có nhiều giao dịch thì tỷ giá thực tế đích danh được xác định là tỷ giá bình quân gia quyền di động các giao dịch của khách nợ đó). Riêng trường hợp phát sinh giao dịch nhận trước tiền của người mua thì bên Có áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế (là tỷ giá ghi vào bên Nợ tài khoản tiền) tại thời điểm nhận trước.

1.2.2: Chứng từ, tài khoản sử dụng trong kế toán thanh toán với người mua:

➤ Chứng từ sử dụng:

Trong quá trình bán hàng và thanh toán công ty sử dụng các chứng từ sau:

-Hợp đồng mua bán: Hợp đồng mua bán có bản chất chung của hợp đồng, nó là sự thỏa thuận nhằm xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt các quyền và nghĩa vụ trong quan hệ mua bán. Hợp đồng mua bán tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên bán có nghĩa vụ giao tài sản cho bên mua và nhận tiền, còn bên mua có nghĩa vụ nhận tài sản và trả tiền cho bên bán.

-Hóa đơn bán hàng(hóa đơn GTGT theo mẫu của bộ tài chính ban hành): Hóa đơn bán hàng là chứng từ ghi nhận nghiệp vụ bán hàng hoá dịch vụ. Nó thể hiện việc hàng hoá dịch vụ được bán ra hoặc cung cấp và doanh thu nhận được. Hóa đơn được lập thành 03 liên: liên 1 lưu tại cuống, liên giao cho khách hàng, liên 3 chuyển lưu để làm chứng từ căn cứ ghi sổ.

- Giấy báo có (giấy chuyển khoản): Là một loại chứng từ của ngân hàng, thông báo cho chủ tài khoản rằng đã có thêm một khoản tiền vào trong tài khoản của chủ tài khoản.

- Phiếu thu: Là chứng từ thu tiền mặt khi phát sinh một nghiệp vụ kế toán liên quan đến tiền mặt. Phiếu thu cũng là một mẫu hóa đơn thể hiện một quá trình giao dịch đã hoàn thành đối với khoản tiền đó, đây là biểu mẫu không thể thiếu trong các biểu mẫu kế toán. Phiếu thu được lập thành 03 liên: một liên giao cho người nộp tiền, một liên lưu tại cuống, liên còn lại thủ quỹ giữ để ghi sổ quỹ sau đó chuyển cho kế toán để ghi sổ kế toán.

➤ Tài khoản sử dụng:

Để theo dõi các khoản thanh toán với khách hàng về tiền bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, tài khoản kế toán sử dụng tài khoản **131- Phải thu của khách hàng**. Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản nợ phải thu và tình hình thanh toán các khoản nợ phải thu của doanh nghiệp với khách hàng về tiền bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, tài sản cố định, dịch vụ cung cấp. Tài khoản 131 có kết cấu như sau:

Tài khoản 131: Phải thu của khách hàng

Bên Nợ	Bên Có
-Số tiền phải thu của khách hàng phát sinh trong kì khi bán sản phẩm ,hàng hóa,BĐSDT,TSCĐ,các khoản đầu tư tài chính. -Số tiền thừa trả lại cho khách hàng -Đánh giá lại khác khoản phải thu của khách hàng là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập BCTC(trường hợp tỷ giá ngoại tệ tăng so với tỷ lệ ghi sổ kế toán)	-Số tiền khách hàng đã trả nợ -Số tiền đã nhận ứng trước,Trả trước của khách hàng -Khoản giảm giá hàng bán trừ vào nợ phải thu của khách hàng -Doanh thu của số hàng đã bán bị người mua trả lại -Số tiền chiết khấu thanh toán và chiết khấu thương mại cho người mua -Đánh giá lại khác khoản phải thu của khách hàng là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập BCTC(trường hợp tỷ giá ngoại tệ giảm so với tỷ lệ ghi sổ kế toán)
Số dư bên Nợ: Số tiền còn phải thu của khách hàng	Tài khoản 131 có thể có số dư bên Có: Phản ánh số tiền nhận trước hoặc số đã thu nhiều hơn số phải thu của khách hàng chi tiết theo từng đối tượng cụ thể.

1.2.3:Kế toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến thanh toán với người mua trong doanh nghiệp:

a)Khi bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ chưa thu được ngay bằng tiền(các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác), kế toán ghi nhận doanh thu, ghi:

➤ Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư thuộc đối tượng chịu thuế GTGT, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế bảo vệ môi

trường, kế toán phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo giá bán chưa có thuế, các khoản thuế gián thu phải nộp được tách riêng ngay khi ghi nhận doanh thu (kể cả thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp), ghi :

Nợ TK 131 : Phải thu của khách hàng (tổng giá thanh toán)

Có TK 511 : Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (giá chưa có thuế)

Có TK 333 : Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước.

➤ Trường hợp không tách ngay được các khoản thuế phải nộp, kế toán ghi nhận doanh thu bao gồm cả thuế phải nộp. Định kỳ kế toán xác định nghĩa vụ thuế phải nộp và ghi giảm doanh thu, ghi :

Nợ TK 511 : Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 333: Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

b) Kế toán hàng bán bị khách hàng trả lại :

Nợ TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (giá bán chưa có thuế)

Nợ TK 333 : Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (số thuế GTGT của hàng bán bị trả lại, chi tiết cho từng loại thuế)

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng .

c) Kế toán chiết khấu thương mại và giảm giá hàng bán:

➤ Trường hợp số tiền chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán đã ghi ngay trên hóa đơn bán hàng, kế toán phản ánh doanh thu theo giá đã trừ chiết khấu, giảm giá (ghi nhận theo doanh thu thuần) và không phản ánh riêng số chiết khấu, giảm giá.

➤ Trường hợp trên hóa đơn bán hàng chưa thể hiện số tiền chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán do khách hàng chưa đủ điều kiện để được hưởng hoặc chưa xác định được số phải chiết khấu, giảm giá thì doanh thu ghi nhận theo giá trừ chiết khấu (doanh thu gộp). Sau thời điểm ghi nhận doanh thu, nếu khách hàng đủ điều kiện được hưởng chiết khấu, giảm giá thì kế toán phải ghi nhận khoản chiết khấu, giảm giá là khoản giảm doanh thu gộp, ghi:

Nợ TK 511 : Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (giá chưa có thuế)
Nợ TK 333 :Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (số thuế của hàng giảm giá, chiết khấu thương mại)

Có TK 131 : Phải thu của khách hàng (tổng số tiền giảm giá) .

d)Số chiết khấu thanh toán phải trả cho người mua do người mua thanh toán tiền mua hàng trước thời hạn quy định, trừ vào khoản nợ phải thu của khách hàng, ghi :

Nợ TK 111 :Tiền mặt

Nợ TK 112 :Tiền gửi Ngân hàng

Nợ TK 635 : Chi phí tài chính (Số tiền chiết khấu thanh toán)

Có TK 131 : Phải thu của khách hàng .

d) Nhận được tiền do khách hàng trả (kể cả tiền lãi của số nợ - nếu có), nhận tiền ứng trước của khách hàng theo hợp đồng bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ, ghi :

Nợ các TK 111, 112 , . . .

Có TK 131 : Phải thu của khách hàng

Có TK 515 : Doanh thu hoạt động tài chính (phần tiền lãi)

e) Phương pháp kế toán các khoản phải thu của nhà thầu đối với khách hàng liên quan đến hợp đồng xây dựng :

➤ Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, kế toán phải lập hóa đơn trên cơ sở phân công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận, căn cứ vào hóa đơn, ghi :

Nợ TK 131 : Phải thu của khách hàng

Có TK 511 : Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 3331 : Thuế GTGT phải nộp (33311) .

➤ Khoản bồi thường thu được từ khách hàng hay các bên khác để bù đắp cho các chi phí không bao gồm trong giá trị hợp đồng (như sự chậm trễ, sai sót của khách hàng và các tranh chấp về các thay đổi trong việc thực hiện hợp đồng), ghi :

Nợ TK 131 : Phải thu của khách hàng

Có TK 511 : Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 3331 : Thuế GTGT phải nộp (33311) .

f) Trường hợp khách hàng không thanh toán bằng tiền mà thanh toán bằng hàng (theo phương thức hàng đổi hàng), căn cứ vào giá trị vật tư, hàng hoá nhận trao đổi (tính theo giá trị hợp lý ghi trong Hoá đơn GTGT hoặc hoá đơn bán hàng của khách hàng) trừ vào số nợ phải thu của khách hàng, ghi :

Nợ TK 152,153,156

Nợ TK 611 : Mua hàng (hàng tồn kế toán theo phương pháp kê khai định kỳ)

Nợ TK 133: Thuế GTGT được khấu trừ(nếu có)

Có TK 131: Phải thu của khách hàng

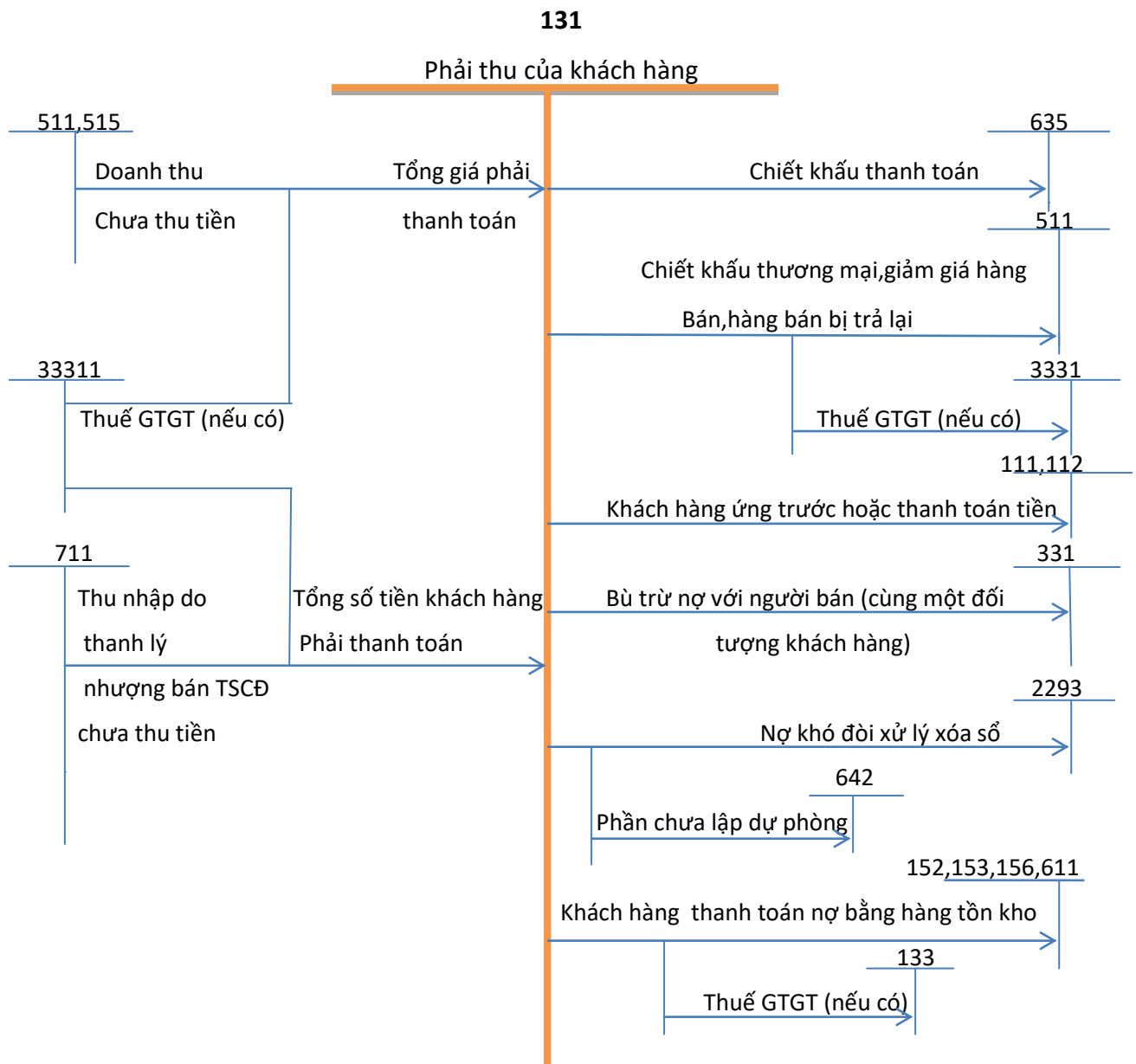
h) Kế toán khoản phải thu về phí ủy thác tại bên nhận ủy thác xuất nhập khẩu :

Nợ TK 131 : Phải thu của khách hàng

Có TK 511 : Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (5113)

Có TK 3331 : Thuế GTGT phải nộp (33311)

Sơ đồ hạch toán với người mua:



Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua theo TT 133/ 2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính

1.3: Nội dung kế toán thanh toán với người bán trong doanh nghiệp vừa và nhỏ

1.3.1: Nguyên tắc nghiệp vụ kế toán thanh toán với người bán:

❖ Khoản phải trả người bán phản ánh tình hình thanh toán về các khoản nợ phải trả của doanh nghiệp cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ, người bán TSCĐ, BĐSĐT, các khoản đầu tư tài chính theo hợp đồng kinh tế đã ký kết.

❖ Nợ phải trả cho người bán, người cung cấp vật tư, hàng hoá, dịch vụ, cần được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Trong chi tiết từng đối tượng phải trả, tài khoản này phản ánh cả số tiền đã ứng trước cho người bán, người cung cấp, nhưng chưa nhận được sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ.

❖ Đối với các khoản phải trả phát sinh bằng vàng, bạc, đá quý cần chi tiết theo cả chỉ tiêu giá trị và hiện vật. Cuối kỳ phải điều chỉnh số dư theo tỷ giá thực tế.

❖ Đối với các nhà cung cấp giao dịch thường xuyên, có số dư nợ lớn thì định kỳ hoặc cuối tháng kế toán phải kiểm tra, đối chiếu từng khoản nợ phát sinh, số đã thanh toán, số còn phải thanh toán, có xác nhận bằng văn bản.

1.3.2: Chứng từ, tài khoản sử dụng trong kế toán thanh toán với người bán:

➤ Các chứng từ về mua hàng: Hợp đồng mua bán, hóa đơn GTGT (hoặc hóa đơn bán hàng) do người bán lập, biên bản kiểm nghiệm vật tư, sản phẩm, hàng hóa, phiếu nhập kho, biên bản bàn giao.

○ Các chứng từ thanh toán tiền hàng: phiếu chi, giấy báo nợ, ủy nhiệm chi (lệnh chi); séc;.....

○ Biên bảo đối chiếu công nợ

○ Bảng tổng hợp 331

○ Sổ nhật kí chung

Tài khoản sử dụng:

Tài khoản sử dụng: **TK 331- phải trả cho người bán**. Để theo dõi các khoản nợ phải trả cho người cung cấp, người bán vật tư hàng hóa, dịch vụ... kế toán sử dụng tài khoản 331 - Phải trả cho người bán. Tài khoản này dùng để phản ánh tình hình thanh toán về các khoản nợ phải trả. Tài khoản 331 có kết cấu như sau:

TK 331- phải trả cho người bán:

+ Bên Nợ:	+ Bên Có:
<ul style="list-style-type: none"> - Số tiền đã trả cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ - Số tiền ứng trước cho người bán, người cung cấp nhưng chưa nhận được vật tư, hàng hóa, dịch vụ, khối lượng sản phẩm bàn giao. - Số tiền người bán chấp thuận giảm giá hàng hóa hoặc dịch vụ đã giao theo hợp đồng. - Chiết khấu thanh toán và chiết khấu thương mại được người bán chấp thuận cho doanh nghiệp giảm trừ vào khoản nợ phải trả cho người bán. - Giá trị vật tư, hàng hóa thiếu hụt, kém phẩm chất khi kiểm nhận và trả lại người bán. - Đánh giá lại các khoản phải trả cho người bán bằng ngoại tệ (trường hợp tỷ giá ngoại tệ giảm so với Đồng Việt Nam). 	<ul style="list-style-type: none"> - Số tiền phải trả cho người bán vật tư, hàng hoá, người cung cấp dịch vụ - Điều chỉnh số chênh lệch giữa giá tạm tính nhỏ hơn giá thực tế của số vật tư, hàng hoá, dịch vụ đã nhận, khi có hoá đơn hoặc thông báo giá chính thức. - Đánh giá lại các khoản phải trả cho người bán bằng ngoại tệ (trường hợp tỷ giá ngoại tệ tăng so với Đồng Việt Nam).
<p>+Số dư bên Nợ (nếu có) phản ánh số tiền đã ứng trước cho người bán hoặc số tiền đã trả nhiều hơn số phải trả cho người bán theo chi tiết của từng đối tượng cụ thể. Khi lập Bảng Cân đối kế toán, phải lấy số dư chi tiết của từng đối tượng phản ánh ở tài khoản này để ghi 2 chỉ tiêu bên “Tài sản” và bên “Nguồn vốn”.</p>	<p>+ Số dư bên Có: Số tiền còn phải trả cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp. Tài khoản này có thể có số dư bên Nợ</p>

1.3.3: Kế toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến thanh toán với người bán trong doanh nghiệp:

a) Mua vật tư, hàng hóa chưa trả tiền người bán và nhập kho trong trường hợp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên hoặc khi mua TSCĐ :

➤ Trường hợp mua trong nội địa , ghi :

- Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ , ghi :

Nợ các TK 152,153,156,157,211 (giá chưa có thuế GTGT)

Nợ TK 133 : Thuế GTGT được khấu trừ (1331,1332)

Có TK 331 : Phải trả cho người bán (tổng giá thanh toán) .

- Trường hợp thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ thì giá trị vật tư , hàng hóa ,TSCĐ bao gồm cả thuế GTGT (tổng giá thanh toán) .

➤ Trường hợp nhập khẩu, ghi :

- Phản ánh giá trị hàng nhập khẩu bao gồm cả thuế TTĐB, thuế XK , thuế BVMT (nếu có) , ghi :

Nợ các TK 152,153,156,157,211

Có TK 331 : Phải trả cho người bán

Có TK 3332 : Thuế TTĐB (nếu có)

Có TK 3333 : Thuế xuất nhập khẩu (chi tiết - nhập khẩu , nếu có)

Có TK 33381 : Thuế bảo vệ môi trường

-Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, ghi :

Nợ TK 133 : Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có TK 3331 : Thuế GTGT phải nộp (33312)

b) Mua vật tư, hàng hoá chưa trả tiền người bán về nhập kho trong trường hợp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ:

➤ Trường hợp mua trong nội địa :

- Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ , ghi :

Nợ TK 611 : Mua hàng (giá chưa có thuế GTGT)

Nợ TK 133 : Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 331 : Phải trả cho người bán (tổng giá thanh toán) .

- Trường hợp thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ thì giá trị vật tư, hàng hóa bao gồm cả thuế GTGT (tổng giá thanh toán)

➤ Trường hợp nhập khẩu, ghi :

- Phản ánh giá trị hàng nhập khẩu bao gồm cả thuế TTĐB, thuế XK, thuế BVMT (nếu có), ghi :

Nợ TK 611 : Mua hàng

Có TK 331: Phải trả cho người bán

Có TK 3332 : Thuế TTĐB (nếu có)

Có TK 3333:Thuế xuất nhập khẩu

Có TK 33381:Thuế bảo vệ môi trường

- Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, ghi :

Nợ TK 133 : Thuế GTGT được khấu trừ (1331)

Có TK 3331 : Thuế GTGT phải nộp (33312) .

c) Khi ứng trước tiền hoặc thanh toán số tiền phải trả cho người bán vật tư, hàng hoá, người cung cấp dịch vụ, ghi :

Nợ TK 331 : Phải trả cho người bán

Có TK 111,112 ,341 , . . .

d) Khi nhận lại tiền do người bán hoàn lại số tiền đã ứng trước vì không cung cấp được hàng hóa, dịch vụ, ghi :

Nợ các TK 111 , 112 , . . .

Có TK 331 : Phải trả cho người bán .

e) Nhận dịch vụ cung cấp (chi phí vận chuyển hàng hoá, điện, nước,tư vấn, quảng cáo, dịch vụ khác) của người bán:

- Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, ghi :

Nợ TK 156, 241, 242, 635, 811

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 331 - Phải trả cho người bán (tổng giá thanh toán) .

- Trường hợp thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ thì giá trị dịch vụ bao gồm cả thuế GTGT (tổng giá thanh toán) .

f) Chiết khấu thanh toán mua vật tư , hàng hoá doanh nghiệp được hưởng do thanh toán trước thời hạn phải thanh toán và tính trừ vào khoản nợ phải trả người bán, người cung cấp, ghi :

Nợ TK 331 : Phải trả cho người bán

Có TK 515 : Doanh thu hoạt động tài chính .

g) Trường hợp vật tư, hàng hoá mua vào phải trả lại hoặc được người bán chấp thuận giảm giá do không đúng quy cách, phẩm chất được tính trừ vào khoản nợ phải trả cho người bán, ghi :

Nợ TK 331 : Phải trả cho người bán

Có TK 133 : Thuế GTGT được khấu trừ (1331) (nếu có)

Có TK 152, 153, 156, 611 , . . .

h) Trường hợp các khoản nợ phải trả cho người bán không tìm ra chủ nợ hoặc chủ nợ không đòi và được xử lý ghi tăng thu nhập khác của doanh nghiệp, ghi:

Nợ TK 331 : Phải trả cho người bán

Có TK 711 : Thu nhập khác .

i) Trường hợp doanh nghiệp nhận bán hàng đại lý, bán đúng giá, hưởng hoa hồng .

- Khi nhận hàng bán đại lý, doanh nghiệp chủ động theo dõi và ghi chép thông tin về hàng nhận bán đại lý trong phần thuyết minh Báo cáo tài chính .

- Khi bán hàng nhận đại lý, ghi :

Nợ các TK 111, 112, 131 , . . . (tổng giá thanh toán)

Có TK 331 - Phải trả cho người bán (giá giao bán đại lý + thuế) .

Đồng thời doanh nghiệp theo dõi và ghi chép thông tin về hàng nhận bán đại lý đã xuất bản trong phần thuyết minh Báo cáo tài chính .

- Khi xác định hoa hồng đại lý được hưởng, tính vào doanh thu hoa hồng trả về bán hàng đại lý, ghi :

Nợ TK 331 : Phải trả cho người bán

Có TK 511 : Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 3331 : Thuế GTGT phải nộp (nếu có) .

- Khi thanh toán tiền cho bên giao hàng đại lý, ghi :

Nợ TK 331 : Phải trả cho người bán (giá bán trừ (-) hoa hồng đại lý)

Có TK 111 , 112 , . .

k) Kế toán phải trả cho người bán tại đơn vị giao uỷ thác nhập khẩu :

- Khi trả trước một khoản tiền uỷ thác mua hàng theo hợp đồng uỷ thác nhập khẩu cho đơn vị nhận uỷ thác nhập khẩu mở LC . . . , căn cứ các chứng từ liên quan, ghi :

Nợ TK 331 : Phải trả cho người bán

Có TK 111,112

- Phí uỷ thác nhập khẩu phải trả đơn vị nhận uỷ thác được tính vào giá trị hàng nhập khẩu ,căn cứ các chứng từ liên quan , ghi :

Nợ các TK 151, 152, 156, 211 ,

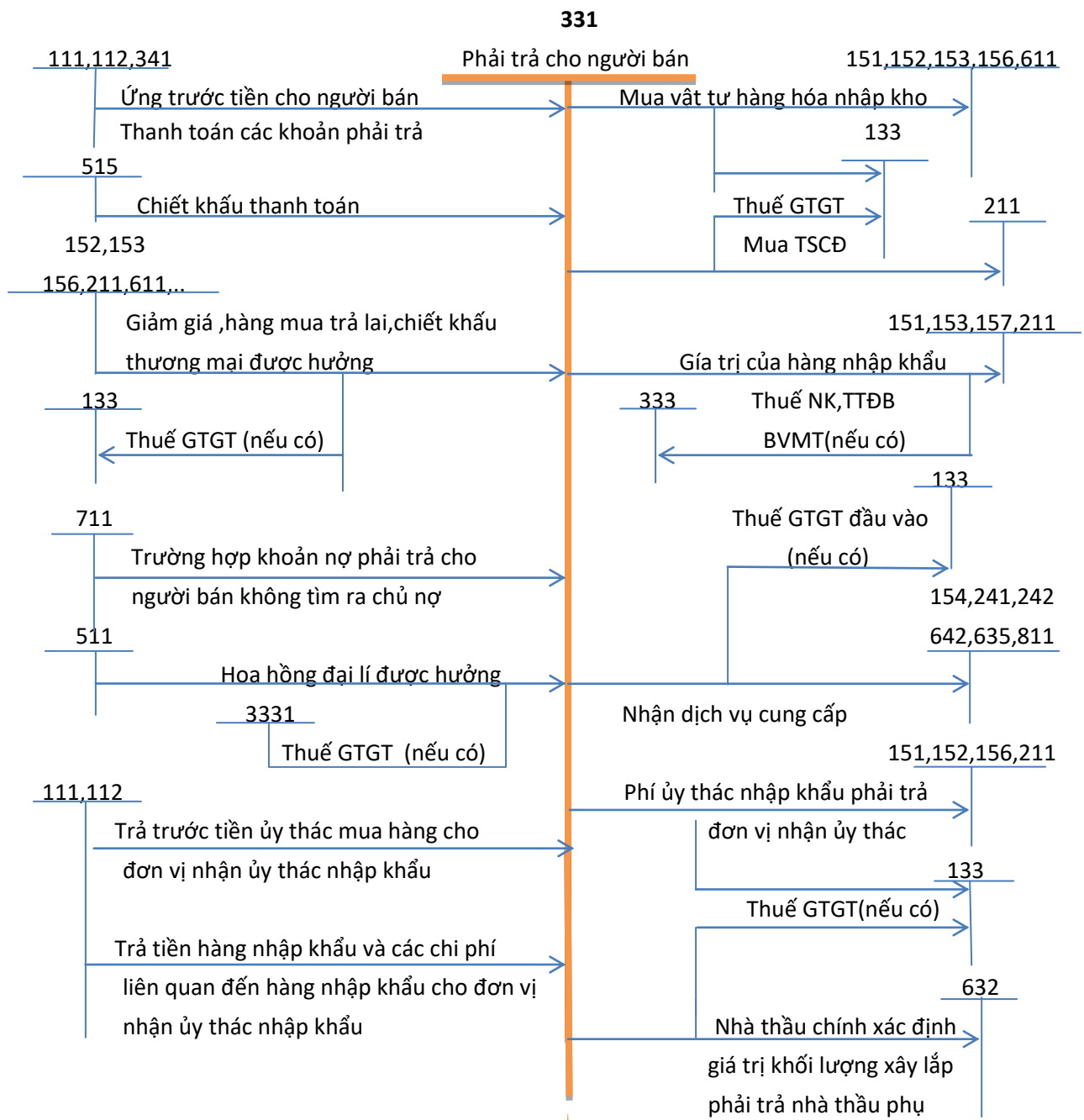
Nợ TK 133 : Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 331 : Phải trả cho người bán (chi tiết từng đơn vị nhận uỷ thác)

- Việc thanh toán nghĩa vụ thuế đối với hàng nhập khẩu thực hiện theo quy định của TK 333 : Thuế và khoản phải nộp Nhà nước .

- Đơn vị nhận uỷ thác không sử dụng tài khoản này để phản ánh các nghiệp vụ thanh toán uỷ thác mà phản ánh qua các TK 138 và 338 .

❖ Sơ đồ hạch toán thanh toán với người bán:



Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán các nghiệp vụ thanh toán với người bán theo TT 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính

1.4: Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua, người bán có liên quan đến ngoại tệ

1.4.1: Tỷ giá và quy định sử dụng tỷ giá trong kế toán:

Tỷ giá hối đoái được hiểu là giá của một đơn vị ngoại tệ tính theo đồng nội tệ.

Đây chính là giá của ngoại tệ trên thị trường và được xác định dựa trên quan hệ cung cầu về ngoại tệ. Quy định sử dụng tỷ giá trong kế toán:

Khi doanh nghiệp thực hiện giao dịch bằng ngoại tệ, kế toán phải quy đổi ra một đơn vị tiền tệ thống nhất mà đơn vị mình sử dụng (USD). Việc quy đổi phải căn cứ vào tỷ giá của nghiệp vụ kinh tế phát sinh và tỷ giá giao dịch bình quân liên ngân hàng do ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố để ghi sổ. Trong kế toán sử dụng 3 loại tỷ giá: tỷ giá giao dịch, tỷ giá xuất và tỷ giá ghi nhận nợ.

Tỷ giá giao dịch hay còn gọi là tỷ giá thực tế (là tỷ giá do ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm các nghiệp vụ kinh tế phát sinh), tỷ giá này được sử dụng khi phát sinh các nghiệp vụ kinh tế liên quan tới doanh thu, chi phí, hàng tồn kho, TSCĐ, khi tăng tiền mặt, tiền gửi, hoặc ghi tăng công nợ là ngoại tệ.

Tỷ giá xuất là tỷ giá ghi trên sổ kế toán trước thời điểm thanh toán, tỷ giá này được sử dụng đối với các trường hợp giảm vốn bằng tiền là ngoại tệ .

Tỷ giá ghi nhận nợ là tỷ giá được ghi chép trên sổ kế toán tại thời điểm phát sinh giao dịch mua bán, tỷ giá này được ghi nhận trong trường hợp ghi giảm công nợ là ngoại tệ.

Cuối năm tài chính, kế toán phải tiến hành đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá giao dịch bình quân do ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm đó.

1.4.2: Tài khoản sử dụng

- TK131 - Phải thu khách hàng
- TK331 - Phải trả người bán
- TK635 - Chi phí tài chính (Trường hợp lỗ tỷ giá)
- TK515 - Doanh thu hoạt động tài chính (Trường hợp lãi tỷ giá)

Cuối kì hạch toán, kế toán điều chỉnh tỷ giá số dư phải thu và gốc phải trả có gốc ngoại tệ theo tỷ giá giao dịch bình quân liên Ngân hàng tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

1.4.3: Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua liên quan đến ngoại tệ.

➤ Tại thời điểm ghi doanh thu và khách hàng nhận nợ dựa vào tỷ giá thực tế hiện hành, ghi:

Nợ TK 131: Tỷ giá ghi nhận nợ - tỷ giá thực tế

Có TK 511: tỷ giá thực tế

Có TK 3331: tỷ giá thực tế

➤ Khi thu được tiền nợ phải thu bằng ngoại tệ:

+ Nếu phát sinh lỗi chênh lệch tỷ giá trong giao dịch thanh toán nợ phải thu bằng ngoại tệ, ghi:

Nợ TK 111 (1112), 112 (1122): Tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch

Nợ TK 635: Lỗi tỷ giá hối đoái

Có TK 131: Tỷ giá ghi sổ kế toán

+ Nếu phát sinh lỗi chênh lệch tỷ giá trong giao dịch thanh toán nợ phải thu bằng ngoại tệ, ghi:

Nợ TK 111 (1112), 112 (1122): Tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch

Có TK 511: Doanh thu hoạt động tài chính

Có TK 131,136,138: Tỷ giá ghi sổ kế toán

+ Kế toán chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại các khoản mục về tiền tệ có gốc ngoại tệ :

- Khi lập báo cáo tài chính, kế toán đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế tại thời điểm báo cáo:

+ Nếu phát sinh lỗi tỷ giá hối đoái, ghi:

Nợ các TK 1112,1122,128,131,136,331,341,..

Có TK 413 : Chênh lệch tỷ giá hối đoái

+Nếu phát sinh lỗ tỷ giá hối đoái, ghi:

Nợ TK 413 : Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Có các TK 1112, 1122, 128, 131, 136, 331, 341,..

1.4.4: Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người bán liên quan đến ngoại tệ:

- Ghi nhận số tiền ứng trước cho người bán hàng và cung cấp dịch vụ bằng ngoại tệ theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm ứng trước, ghi :

+ Trường hợp bên Có TK tiền sử dụng tỷ giá ghi sổ :

Nợ TK 331 : Phải trả cho người bán (tỷ giá giao dịch thực tế)

Nợ TK 635 : Chi phí tài chính (nếu phát sinh lỗ tỷ giá)

Có TK 111, 112 (1112 , 1121) (tỷ giá ghi sổ)

Có TK 515 : Doanh thu hoạt động tài chính (nếu phát sinh lãi tỷ giá)

. + Trường hợp bên Có TK tiền sử dụng tỷ giá giao dịch thực tế :

Nợ TK 331 : Phải trả cho người bán

Có TK 111, 112 (1112 , 1121)

Khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay tại thời điểm ứng trước tiền cho người bán hoặc ghi nhận định kỳ tùy theo đặc điểm hoạt động kinh doanh và yêu cầu quản lý của doanh nghiệp .

(+) Nếu phát sinh lỗ chênh lệch tỷ giá, ghi :

Nợ TK 635 : Chi phí tài chính (chênh lệch giữa tỷ giá ghi sổ của tài khoản tiền lớn giá giao dịch thực tế tại thời điểm ứng trước)

Có TK 111,112(1112,1121),331

(+) Nếu phát sinh lãi chênh lệch tỷ giá , ghi :

Nợ các TK 111 ,112 (1112 , 1121) ,331 (chênh lệch giữa tỷ giá ghi sổ của tài khoản tiền nhỏ hơn tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm ứng trước) .

Có TK 515 Doanh thu hoạt động tài chính

- Khi nhận hàng hóa , dịch vụ ,tài sản cố định , nghiệm thu khối lượng XD CB hoàn thành thì giá trị tài sản mua ,chi phí XD CB dở dang , nợ phải trả người bán tương ứng với số tiền ứng trước được ghi nhận theo tỷ giá giao dịch thực tế tại

thời điểm ứng trước, phần giá trị tương ứng với số còn phải trả được ghi nhận theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm ghi nhận tài sản, ghi:

Nợ các TK 151,152,153,156,211,241 . . .

Có TK 331 - Phải trả người bán .

-Tại thời điểm lập BCTC, số dư nợ phải trả cho người bán là khoản mục có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá chuyển khoản trung bình cuối kỳ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên giao dịch

- Nếu tỷ giá ngoại tệ giảm so với đồng tiền ghi sổ kế toán, ghi:

Nợ TK 331 :Phải trả cho người bán

Có TK 413:Chênh lệch tỷ giá hối đoái

-Nếu tỷ giá ngoại tệ tăng so với đồng tiền ghi sổ kế toán, ghi:

Nợ TK 413: Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Có TK 331:Phải trả người bán

1.5.Vận dụng các hình thức sổ sách kế toán vào công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán trong doanh nghiệp vừa và nhỏ:

Sổ kế toán là hình thức biểu hiện của phương pháp đối ứng tài khoản, là phương tiện vật chất chủ yếu để người làm công tác kế toán ghi chép phản ánh, hệ thống hóa số liệu kế toán trên cơ sở các chứng từ gốc và các loại tài liệu khác để cung cấp thông tin phục vụ quản lý. Các hình thức ghi sổ kế toán doanh nghiệp có thể áp dụng theo phụ lục 4 của Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính bao gồm:

+Hình thức kế toán Nhật ký chung

+Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ Cái

+Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

+Hình thức kế toán trên Máy tính

1.5.1. Đặc điểm kế toán thanh toán theo hình thức Nhật ký chung:

a) Nguyên tắc, đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung :

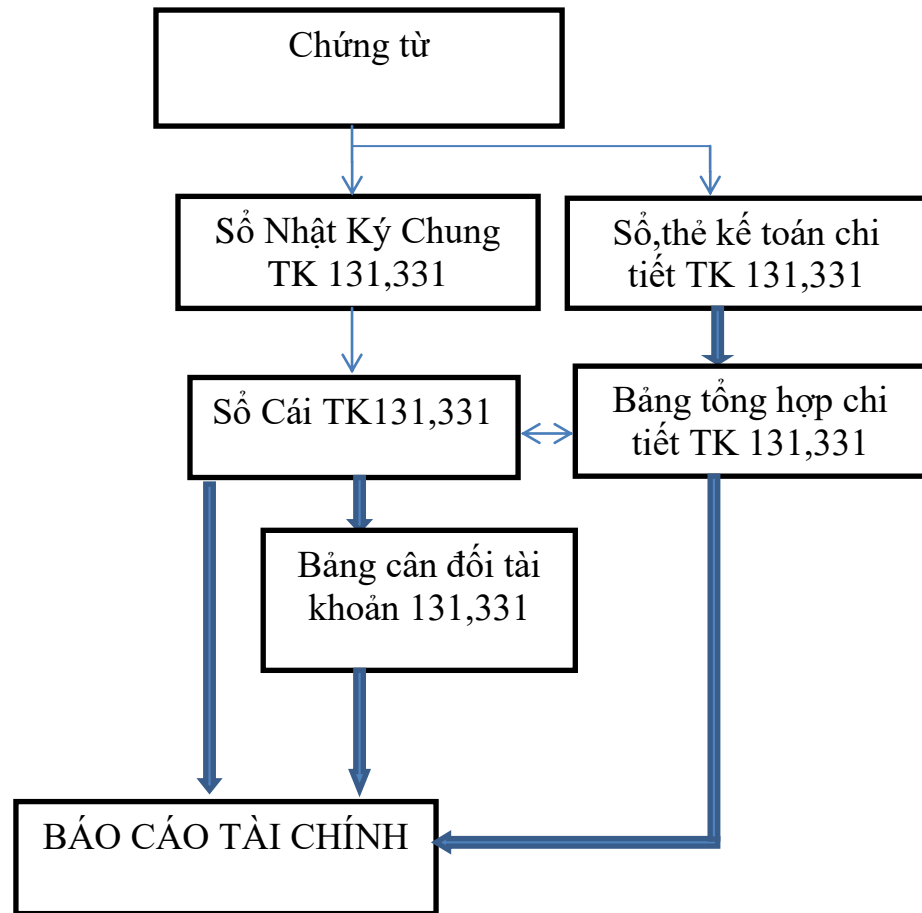
Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và

theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh. Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau :

- Sổ Nhật ký chung, Sổ Nhật ký đặc biệt
- Sổ Cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết .

b) Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung:

- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp . Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các thẻ kế toán chi tiết liên quan.
- Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối tài khoản. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết(được lập từ các Sổ, thẻ kế toán chi tiết)được dùng để lập các báo cáo tài chính.Về nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối tài khoản phải bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung (hoặc sổ Nhật ký chung và các sổ Nhật ký đặc biệt sau khi đã loại trừ số trùng lặp trên các sổ Nhật ký đặc biệt) cùng kỳ.



Sơ đồ 1.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán

Nhật ký chung

GHI CHÚ:

- : Ghi hàng ngày
- ➡ : Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- ↔ : Quan hệ đối chiếu kiểm tra

1.5.2. Đặc điểm kế toán thanh toán theo hình thức kế toán Nhật ký-Sổ cái

a) Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái :

Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký - Sổ Cái).Căn cứ để ghi vào sổ

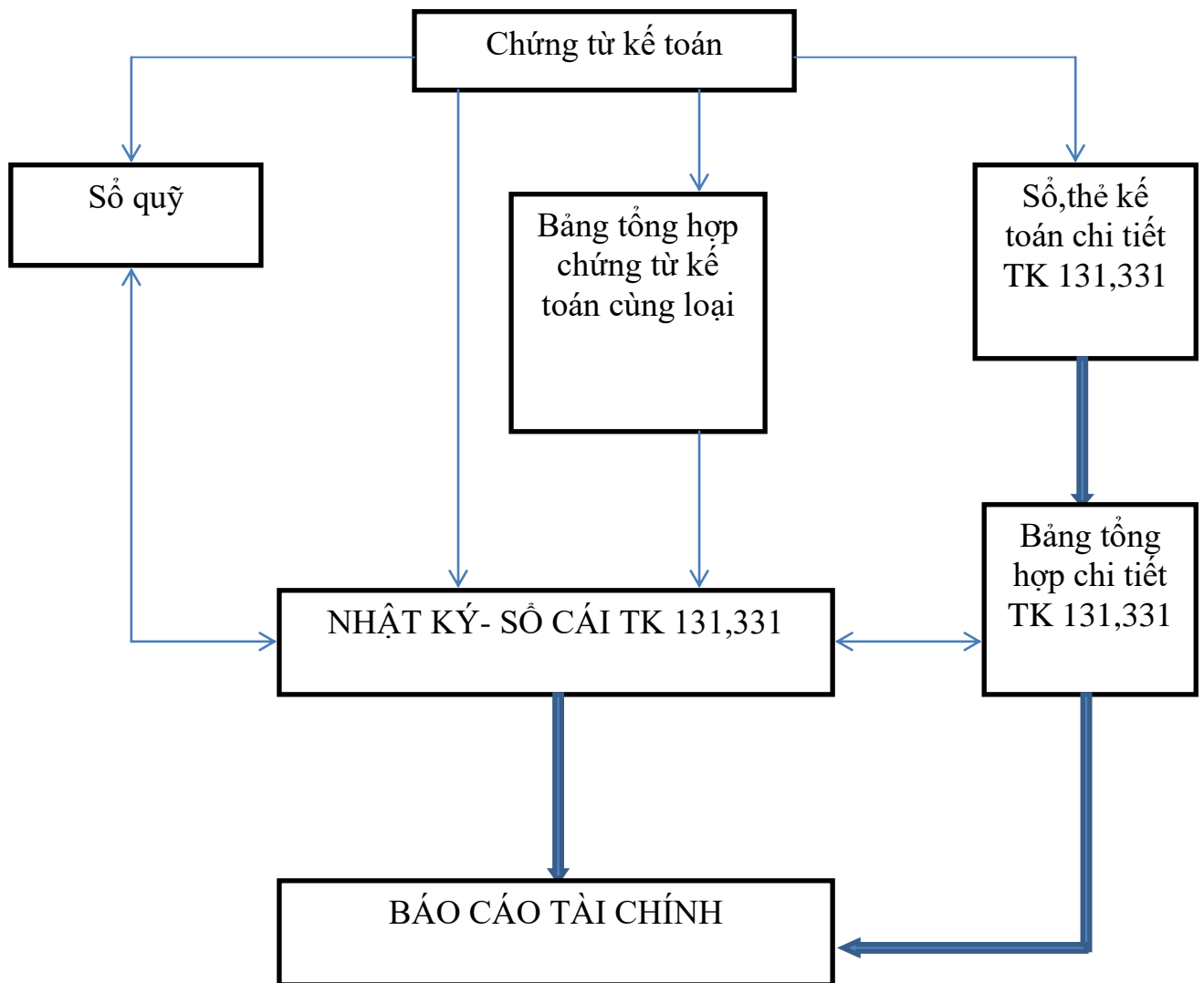
Nhật ký - Sổ Cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại . Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái gồm có các loại sổ kế toán sau :

- Nhật ký - Sổ Cái
- Các Sổ, Thẻ kế toán chi tiết .

b) Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái:

- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra và được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để ghi vào Sổ Nhật ký - Sổ Cái. Số liệu của mỗi chứng từ (hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại) được ghi trên một dòng ở cả 2 phần Nhật ký và phần Sổ Cái, Bảng tổng hợp chứng từ kế toán được lập cho những chứng từ cùng loại (Phiếu thu, phiếu chi, phiếu xuất, phiếu nhập ...) phát sinh nhiều lần trong một ngày hoặc định kỳ 1 đến 3 ngày. Chứng từ kế toán và bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại sau khi đã ghi sổ Nhật Ký-Sổ Cái, được dùng để ghi vào sổ, thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

- Cuối tháng, sau khi đã phản ánh toàn bộ chứng từ kế toán phát sinh trong tháng vào Sổ Nhật ký - Sổ Cái và các sổ, thẻ kế toán chi tiết, kế toán tiến hành cộng số liệu của cột số phát sinh ở phần Nhật ký và các cột Nợ, cột Có của từng tài khoản ở phần Sổ Cái để ghi vào dòng cộng phát sinh cuối tháng. Căn cứ vào số phát sinh các tháng trước và số phát sinh tháng này tính ra số phát sinh lũy kế từ đầu quý đến cuối tháng này. Căn cứ vào số dư đầu tháng (đầu quý) và số phát sinh trong tháng kế toán tính ra số dư cuối tháng (cuối quý) của từng tài khoản trên Nhật ký - Sổ Cái.



Sơ đồ 1.4: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán

Nhật Ký-Sổ Cái

GHI CHÚ:

- : Ghi hàng ngày
- ➡ : Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- ↔ : Quan hệ đối chiếu kiểm tra

1.5.3. Đặc điểm kế toán thanh toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ:

a) Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ : Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “ Chứng từ ghi sổ ”.Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm :

- Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ .
- Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ Cái .

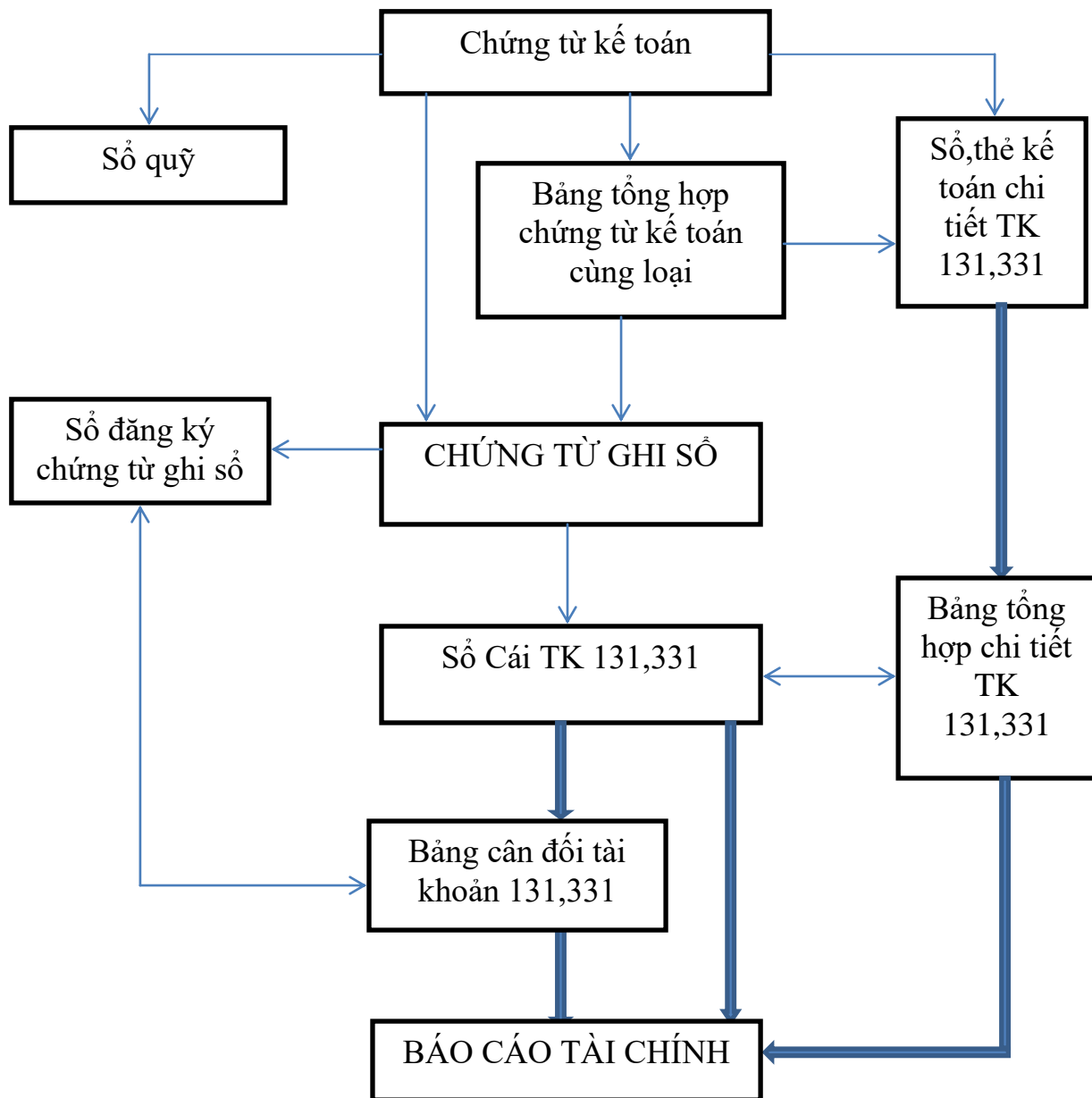
Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế. Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm có các loại sổ kế toán sau :

- + Chứng từ ghi sổ
- + Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ
- + Sổ Cái
- + Các Sổ,Thẻ kế toán chi tiết

b) Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

- Hàng ngày hoặc định kỳ, căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập Chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào Sổ Cái .Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ lập Chứng từ ghi sổ được dùng để ghi vào sổ, Thẻ kế toán chi tiết có liên quan .

- Cuối tháng, phải khóa sổ tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong tháng trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, tính ra Tổng số phát sinh Nợ, Tổng số phát sinh Có và số dư của từng tài khoản trên Sổ Cái. Căn cứ vào Sổ Cái lập Bảng cân đối tài khoản .



Sơ đồ 1.5: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán

Chứng từ ghi sổ

GHI CHÚ:

- : Ghi hàng ngày
- ➔ : Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- ↔ : Quan hệ đối chiếu kiểm tra

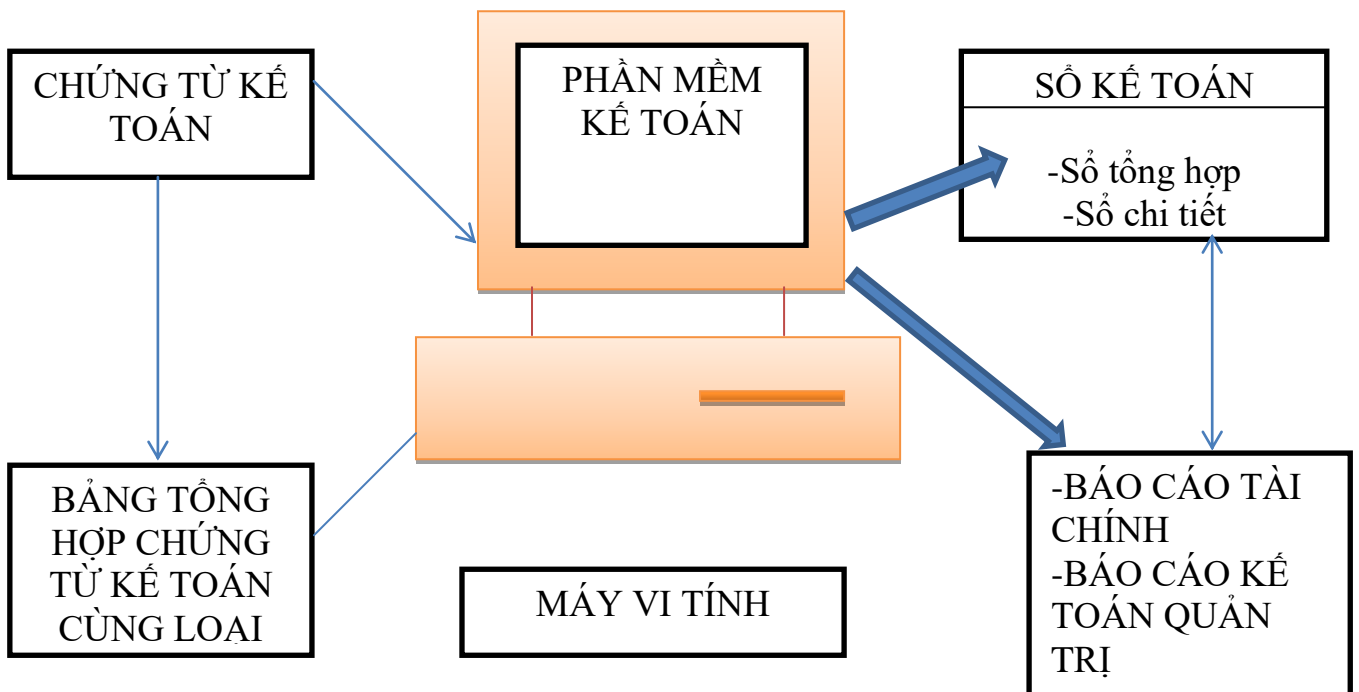
1.5.4. Đặc điểm kế toán thanh toán theo hình thức kế toán trên Máy tính:

a) Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên máy vi tính :

Công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính .Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong ba hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây.Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định. Phần mềm kế toán được thiết kế theo Hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay .

b) Trình tự ghi sổ kế toán theo Hình thức kế toán trên máy vi tính:

- Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp(Sổ cái hoặc Nhật ký-Sổ Cái) và các sổ, các thẻ kế toán chi tiết liên quan.



Sơ đồ 1.5: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy tính

GHI CHÚ:

- : Nhập số liệu hàng ngày
- ➡ : In sổ,báo cáo cuối tháng,cuối năm
- ↔ : Đối chiếu,kiểm tra

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN LÂM SẢN QUẾ LÂM

2.1: Khái quát chung về Công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm:

- Tên công ty: Công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm
- Tên quốc tế là: Que Lam Forest Products Processing Limited Company
- Địa chỉ: Số 27B đường Nguyễn Công Hòa, Phường Lam Sơn, Quận Lê Chân, Hải Phòng
- Vốn điều lệ : 2.500.000.000 (VNĐ)
- Người đại diện pháp lý: Bà Đồng Quảng Quế
- Mã số thuế: 0201310692
- Lĩnh vực kinh doanh: Cưa, xẻ, bào gỗ, buôn bán và bảo quản gỗ, vận tải
- Giấy chứng nhận kinh doanh số: 0201310692
- Điện thoại: 02253667566

2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 0201310692 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 28 tháng 09 năm 2013 với chức năng chuyên ngành là kinh doanh chế biến lâm sản, bán buôn hàng hóa lâm sản và khai thác bến thủy nội địa. Trong những năm đầu khởi nghiệp công ty chuyên sâu về thu mua và chế biến lâm sản tại các khu vực, tỉnh thành lân cận. Đến tháng 10 năm 2018 công ty quyết định mở rộng quy mô sản xuất và đầu tư xây dựng bến thủy nội địa Tiên Phòng 1 tại Hòa Bình phục vụ cho việc vận chuyển hàng hóa xuất khẩu. Công ty đã từng bước khẳng định được vị thế và uy tín của mình trong ngành chế biến lâm sản. Cho đến nay Công ty có một bộ máy hoạt động tuân thủ theo đúng chức năng nhiệm vụ, mục tiêu và ngành nghề kinh doanh được ghi trong điều lệ. Tình hình sản xuất ngày một ổn định và đang trên đà phát triển, thu nhập bình quân của người lao động ngày một tăng cao. Đó là những tín hiệu đáng mừng

chứng tỏ công ty đang hòa nhập tốt với cơ chế thị trường và sẽ phát triển mạnh mẽ hơn nữa trong thời gian tới.

2.1.2. Đặc điểm hoạt động kinh doanh của công ty:

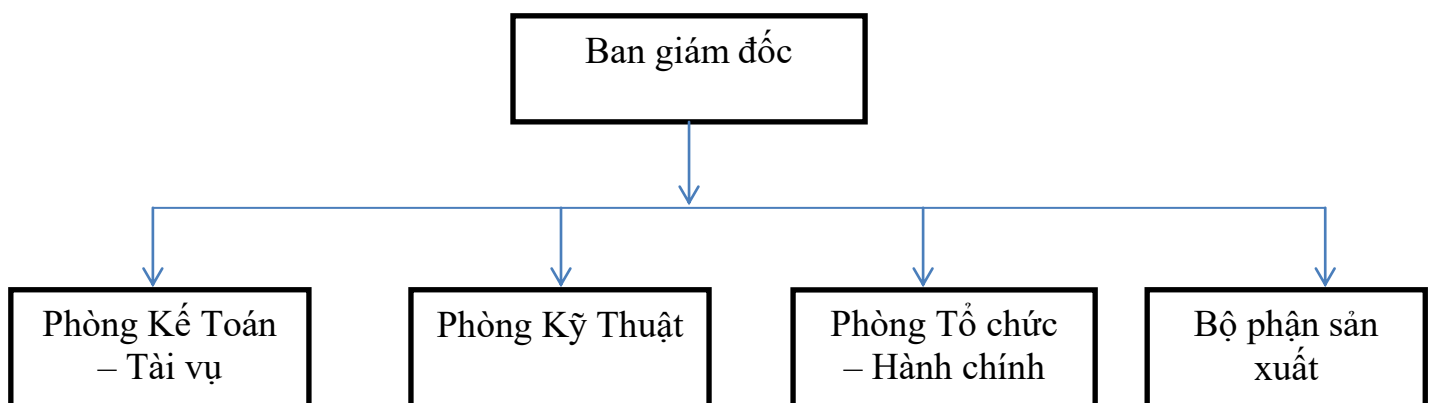
- Công ty TNHH chế biến lâm sản Quế Lâm hoạt động và kinh doanh theo luật doanh nghiệp và các văn bản quy định khác. Công ty thành lập để huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc kinh doanh sản xuất mặt hàng lâm sản.

- Ngành nghề kinh doanh của công ty :

- + Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ
- + Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép
- + Sản xuất đồ gỗ xây dựng, bao bì bằng gỗ
- + Vận tải

2.1.3. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm:

Trong điều kiện kinh tế hiện nay, để đảm bảo khả năng thực hiện tốt nhiệm vụ kinh doanh thì cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý trực tiếp với sự lãnh đạo từ trên xuống dưới, từ giám đốc đến các phòng ban để thực hiện việc điều hành quản lý điều hành các hoạt động kinh doanh kinh doanh của công ty. Vì vậy, công ty TNHH chế biến lâm sản Quế Lâm đã bố trí đội ngũ cán bộ nhân viên phù hợp với trình độ cũng như yêu cầu của công ty:



Sơ đồ 2.1: sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của công ty

✓ **Ban giám đốc công ty:**

- Là người đại diện theo pháp luật của công ty.

- Chịu trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo chung đối với Công ty về các vấn đề như: lập ra các định hướng phát triển của công ty, đồng thời giám sát bộ máy quản lý, các hoạt động kinh doanh, chính sách nhân sự, tài chính.

- Giám đốc có nhiệm vụ, quyền hạn cao nhất trong Công ty, có toàn quyền

nhân danh Công ty quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty.

- Chịu trách nhiệm về những tổn thất do hoạt động kinh doanh kém hiệu quả

làm hao hụt, lãng phí tài sản, vật tư.... theo chế độ quy định, việc xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, dịch vụ ngắn hạn và dài hạn của Ban Giám Đốc phải thông qua công nhân viên của Công ty.

✓ **Phòng Kế toán - Tài vụ:**

- Ghi chép phản ánh đầy đủ, chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh hàng ngày. Theo dõi toàn bộ tài sản hiện có của doanh nghiệp, đồng thời cung cấp đầy đủ thông tin về hoạt động kinh tế tài chính của công ty.

- Phản ánh tất cả các chi phí phát sinh trong kỳ và kết quả thu được từ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tìm ra những biện pháp tối ưu nhằm đưa doanh nghiệp phát triển, đạt hiệu quả cao.

- Tổ chức chỉ đạo thực hiện toàn bộ công tác kế toán, hạch toán các nghiệp vụ kinh tế theo quy định.

- Lập, trình, ký, chuyển nộp các báo cáo thuế, báo cáo kế toán, báo cáo thống kê định kỳ theo chế độ Tài chính- Kế toán hiện hành.

- Cập nhật phản ánh kịp thời đầy đủ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào hệ thống sổ sách kế toán theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty, thường xuyên đối chiếu và xử lý kịp thời các sai sót kế toán.

✓ **Phòng Kỹ thuật:**

- Tiếp nhận quản lý hồ sơ, tài liệu, dự toán, bản vẽ thiết kế.

-Phân công cán bộ giám sát, theo dõi tình hình gia công sản phẩm. Khi hoàn thành, cán bộ kỹ thuật xác định khối lượng thực hiện và chuyển cho phòng kế toán đối chiếu, kiểm tra và quyết toán đầu tư.

-Theo dõi tình hình xuất, nhập vật tư. Cung cấp vật tư theo kế hoạch và tiến độ gia công. Báo cáo vật tư theo quy định.

✓ **Phòng tổ chức - hành chính :**

-Chăm công và tính lương hàng tháng cho công nhân viên.

- Duy trì kỷ luật, an ninh trật tự và đạo đức nghề nghiệp trong công ty.

-Lưu giữ các hồ sơ cá nhân của người lao động.

- Lưu giữ công văn, giấy tờ pháp lý của công ty.

- Mua bảo hiểm cho công nhân viên.

- Bố trí, sắp đặt phương tiện đi lại, đặt chỗ khách sạn, thủ tục visa, hộ chiếu.

- Quản lý, cấp phát văn phòng phẩm, dụng cụ làm việc.

- Tham mưu giúp việc cho ban giám đốc công ty trong lĩnh vực hành chính quản trị, quản lý toàn bộ tài sản nhà đất, lưu trữ hồ sơ, lưu trữ các văn bản và thực hiện các thủ tục về thi đua khen thưởng trong toàn công ty.

✓ **Bộ phận sản xuất:**

-Thực hiện gia công, chế tạo sản phẩm theo thiết kế và yêu cầu kỹ thuật.

- Kiểm soát tiến độ sản xuất và báo cáo tiến độ.

- Báo cáo giờ công và báo cáo sản xuất/năng suất.

-Kiểm soát công cụ, thiết bị làm việc và nhân lực.

- Sử dụng vật tư đúng mục đích và tiết kiệm.

-Lập kế hoạch, sắp xếp, sử dụng mặt bằng sản xuất phù hợp với yêu cầu công việc.

-Đào tạo nâng cao kỹ năng nghề nghiệp cho công nhân lao động, hướng dẫn công việc.

- Kiểm soát tuân thủ các quy trình kỹ thuật, đảm bảo chất lượng sản phẩm.

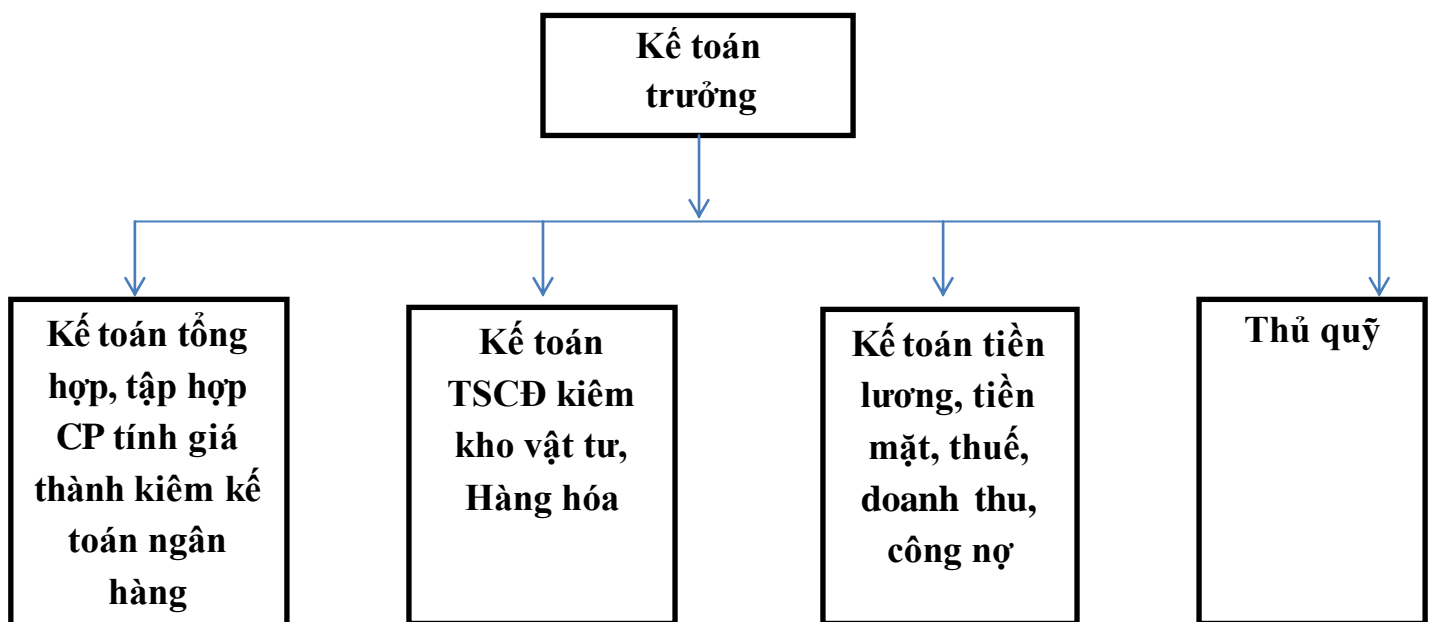
-Lập các báo cáo kiểm tra chất lượng các công đoạn gia công chế tạo.
 -Thực hiện nghiêm túc các biện pháp khắc phục sai hỏng và phòng ngừa rủi ro chất lượng.

- Đề xuất các biện pháp cải thiện tiến độ và đảm bảo chất lượng.

2.1.4. Đặc điểm công tác kế toán tại Công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm:

2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán:

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung. Phòng kế toán hạch toán mọi nghiệp vụ kế toán liên quan đến công ty, thực hiện mọi công tác kế toán nhận và xử lý chứng từ luân chuyển, ghi chép tổng hợp và lập báo cáo tài chính:



Sơ đồ 2.2: Sơ đồ bộ máy kế toán.

+**Kế toán trưởng:** Phụ trách toàn bộ công tác kế toán của công ty. Chỉ đạo kiểm tra công tác kế toán của các kế toán viên, ký duyệt các chứng từ sổ sách. Hàng tháng, quý có trách nhiệm báo cáo với giám đốc và cơ quan nhà nước về thông tin kinh tế do mình cung cấp.

+Kế toán tổng hợp, tập hợp chi phí tính giá thành kiêm kế toán Ngân hàng: Hàng tháng có trách nhiệm đối chiếu về số dư các tài khoản tiền gửi, tiền vay với ngân hàng. Đồng thời có nhiệm vụ theo dõi phân loại chi phí sản xuất, tính giá thành các loại sản phẩm do công ty sản xuất. Chịu trách nhiệm về việc tổng hợp theo dõi toàn bộ công tác kế toán của công ty cùng Kế toán trưởng

+Kế toán TSCĐ kiêm kho vật tư, hàng hoá: Có nhiệm vụ theo dõi tình hình tăng giảm của TSCĐ, tình hình nhập xuất nguyên vật liệu đầu vào, hàng hoá trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.

+Kế toán tiền lương, tiền mặt, thuế, doanh thu, công nợ: Hàng tháng có trách nhiệm tính lương cho toàn bộ các cán bộ công nhân viên và công nhân trong công ty. Cuối quý, tháng tiến hành lập bảng phân bổ tiền lương và trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn...Có trách nhiệm theo dõi tình hình thanh toán, vay, nợ của công ty với khách hàng cũng như của các khách hàng với công ty. Đồng thời có trách nhiệm lập các báo cáo về thuế và tình hình nộp thuế cho ngân sách nhà nước. Hàng ngày cập nhật chứng từ, đối chiếu thường xuyên về tiền mặt đối với thủ quỹ, cuối tháng kiểm tra, đối chiếu khoá sổ tiền mặt đối với thủ quỹ, lập các sổ liên quan báo cáo Kế toán trưởng.

+Thủ quỹ: Cập nhật chứng từ thu chi, khoá sổ quỹ hàng ngày và báo cáo số dư tồn quỹ theo dõi trên sổ nhật ký. Hàng tháng kiểm tra đối chiếu và khoá sổ quỹ tiền mặt với kế toán tiền mặt đồng thời báo cáo Kế toán trưởng.

2.1.4.2. Chế độ kế toán áp dụng tại doanh nghiệp.

- Chế độ kế toán áp dụng cho doanh nghiệp vừa và nhỏ do Bộ Tài Chính ban hành theo thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính.

- Phương pháp tính thuế GTGT: Phương pháp khấu trừ.

- Phương pháp khấu hao TSCĐ theo đường thẳng.

- Tính giá vốn hàng xuất kho: Phương pháp bình quân gia quyền cuối kì

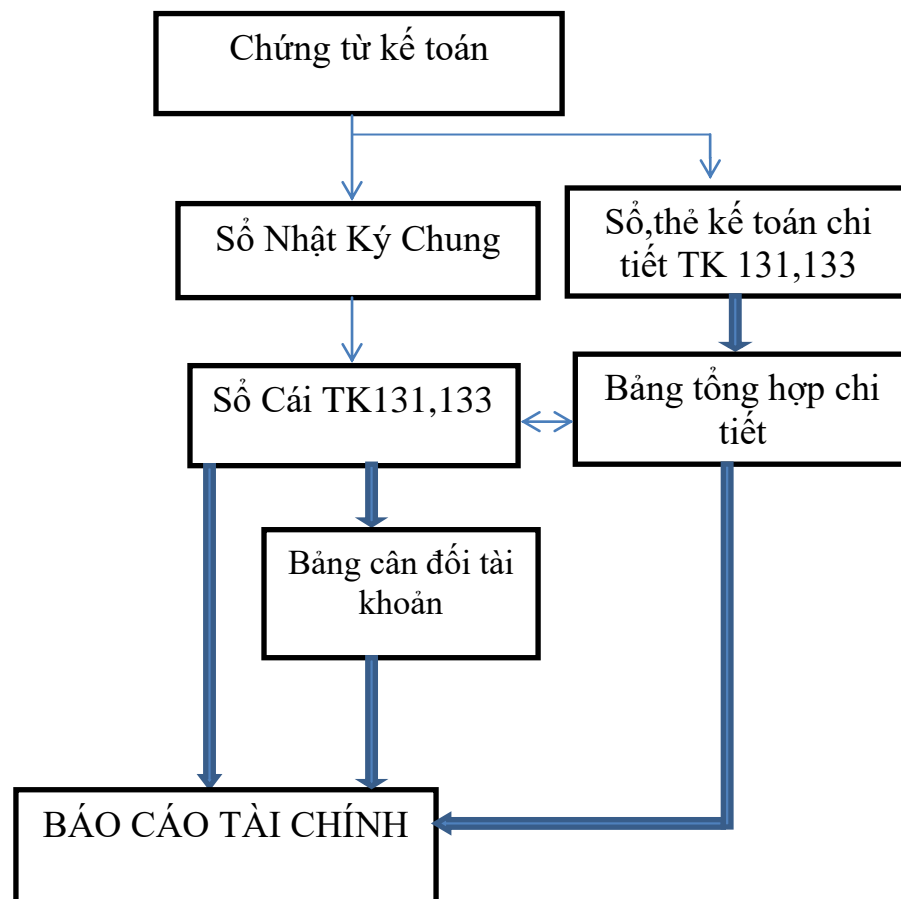
- Phương pháp hạch toán kế toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên

- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Việt Nam Đồng (VNĐ)

2.1.4.3: Hình thức kế toán: Công ty áp dụng hình thức kế toán **Nhật ký chung**

và sử dụng các công cụ hỗ trợ như Word, Excel,... phục vụ công tác kế toán.

-Đặc trưng cơ bản của hình thức nhật ký chung: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi vào sổ nhật ký, mà trọng tâm là nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên sổ Nhật ký chung để ghi sổ cái theo từng nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Cuối kỳ, dựa vào các sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết để lập Báo cáo tài chính.



Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ theo hình thức Nhật ký chung

Ghi chú:

Ghi hàng ngày : —————>

Ghi định kỳ : —————>

Quan hệ đối chiếu , kiểm tra: <----->

- Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán đã kiểm tra, ghi chép vào sổ Nhật kí chung, đồng thời ghi vào sổ, thẻ kế toán chi tiết. Sau đó từ sổ Nhật kí chung, kế toán vào sổ cái tài khoản có liên quan.

- Cuối kỳ, kế toán căn cứ vào sổ chi tiết các tài khoản lập bảng tổng hợp chi tiết. Từ sổ cái các tài khoản kế toán lập bảng cân đối số phát sinh (sau khi đã đối chiếu với bảng tổng hợp chi tiết). Căn cứ vào bảng cân đối số phát sinh, bảng tổng hợp chi tiết và sổ cái các tài khoản kế toán lập báo cáo tài chính.

2.1.4.4: Hệ thống sổ sách :

Hệ thống sổ sách mà công ty đang sử dụng bao gồm:

- Sổ Nhật kí chung
- Sổ cái
- Sổ, Thẻ kế toán chi tiết.

2.2. Thực trạng tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm:

2.2.1. Phương thức thanh toán và hình thức thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm

Tại Công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm áp dụng **phương thức thanh toán trả ngay và chậm trả:**

- Phương thức thanh toán trả ngay: Sau khi nhận được hàng mua, Doanh nghiệp thanh toán tiền ngay cho người bán, có thể bằng tiền mặt, bằng chuyển khoản ...
- Phương thức thanh toán chậm trả: Doanh nghiệp đã nhận được hàng nhưng chưa thanh toán tiền cho người bán.

Công ty TNHH Chế Biến Lâm sản Quế Lâm áp dụng 2 **hình thức thanh toán là bằng tiền mặt và chuyển khoản.**

- Các khoản thanh toán với người mua: Doanh nghiệp có thể áp dụng hình thức thanh toán bằng tiền mặt hoặc tiền gửi ngân hàng do thỏa thuận giữa hai bên không căn cứ vào giá trị hợp đồng.

- Các khoản thanh toán cho người bán có giá trị hợp đồng từ 20 triệu đồng trở lên thì doanh nghiệp bắt buộc phải thanh toán bằng hình thức chuyển khoản. Đối với hợp đồng có giá trị dưới 20 triệu đồng doanh nghiệp có thể chuyển khoản hoặc thanh toán bằng tiền mặt tùy theo thỏa thuận giữa hai bên.

2.2.2. Thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua tại Công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm:

✓ *Chứng từ sử dụng:*

- Hợp đồng mua bán
- Hóa đơn GTGT
- Giấy báo có của ngân hàng
- Phiếu thu

✓ *Tài khoản sử dụng:*

TK 131 : Phải thu của khách hàng.

+Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản nợ phải thu và tình hình thanh toán các khoản nợ phải thu với khách hàng về tiền bán sản phẩm,

hàng hóa,... Công ty còn sử dụng các tài khoản:

TK 111: Tiền mặt

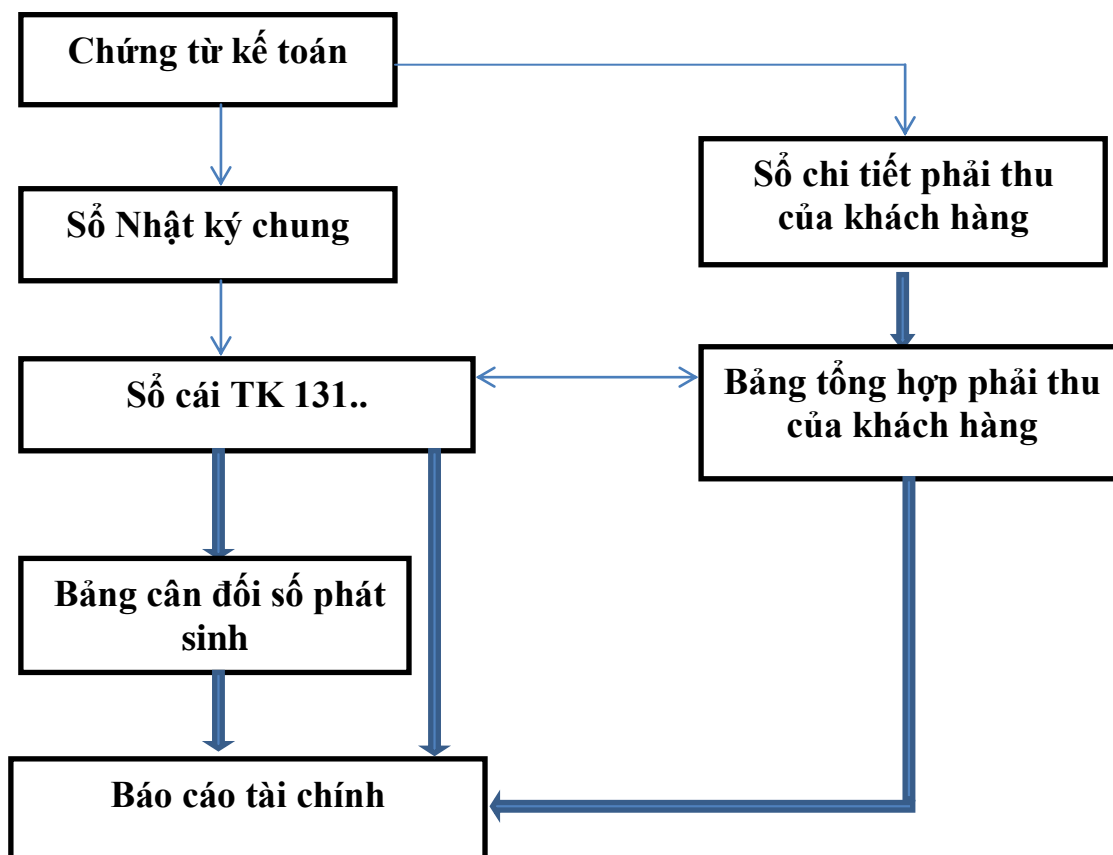
TK 112: Tiền gửi ngân hàng

TK 333: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

✓ *Sổ sách sử dụng:*

- + Sổ Nhật ký chung
- + Sổ chi tiết thanh toán với người mua
- + Bảng tổng hợp thanh toán với người mua
- + Sổ cái TK 131 và các tài khoản khác có liên quan



Sơ đồ 2.4: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua tại Công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm

Ghi chú:

- Ghi hàng ngày :
- Ghi định kỳ :
- Quan hệ đối chiếu , kiểm tra:

- Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán đã kiểm tra, ghi chép vào sổ Nhật ký chung, sau đó từ sổ Nhật ký chung, kế toán ghi vào sổ cái tài khoản 131, 511, 333,.. Cuối kỳ từ sổ chi tiết phải thu khách hàng lập bảng tổng hợp phải thu khách hàng. Đồng thời kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ cái tài khoản 131 với bảng tổng hợp phải thu khách hàng. Kế toán dùng số liệu từ bảng cân đối số phát sinh và bảng tổng hợp phải thu của khách hàng để lập báo cáo tài chính.

NV1: Ngày 20/08/2018 theo HĐ GTGT số 0002535 Công ty bán 10 tấn củi trắng cho công ty TNHH chế biến lâm sản- dăm gỗ Vina. Tổng thanh toán 19.800.000 đồng, với thuế GTGT 10%, chưa thanh toán.

Căn cứ vào hóa đơn 0002535 và các chứng từ có liên quan, kế toán ghi vào sổ sách theo định khoản như sau:

Nợ TK 131 : 19.800.000

Có TK 511 : 18.000.000

Có TK333: 1.800.000

Từ bút toán trên kế toán ghi vào sổ nhật ký chung đồng thời ghi vào sổ chi tiết TK 131 ,từ sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 131, sổ cái TK511, 333. Cuối kỳ kế toán căn cứ vào sổ chi tiết tài khoản 131 lập bảng tổng hợp chi tiết phải thu khách hàng

Biểu số 2.1: Hóa đơn GTGT số 0002535

HÓA ĐƠN		Mã số: 01GTKT3/001			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Ký hiệu: AA/17P			
<i>Liên 3: Nội bộ</i>		Số: 0002535			
<i>Ngày 20 tháng 08 năm 2018</i>					
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN LÂM SẢN QUẾ LÂM					
Mã số thuế : 0201310692					
Địa chỉ: Số 27B đường Nguyễn Công Hòa, phường Lam Sơn, quận Lê Chân, Hải Phòng					
Điện thoại: 0225.3667566			Fax:		
Số tài khoản: 32110000433678 Tại Ngân hàng - BIDV Hải Phòng					
Họ tên người mua hàng: Nguyễn Vũ Anh					
Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN LÂM SẢN- DẶM GỖ VINA					
Mã số thuế: 5701527643					
Địa chỉ : Khu Công nghiệp Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh					
Hình thức thanh toán: CK/TM					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đv tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Củ trắng	Tấn	10	1.800.000	18.000.000
 					
 					
 					
Cộng tiền hàng:.....					18.000.000
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế:.....		
					1.800.000
Tổng tiền thanh toán:.....					19.800.000
Số tiền viết bằng chữ: Mười chín triệu tám trăm nghìn đồng chẵn.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	

NV2: Ngày 15/10/2018, công ty TNHH dịch vụ thương mại Quang Nhân thanh toán tiền hàng bằng chuyển khoản. Số tiền 170.000.000 đồng

Kế toán căn cứ vào các chứng từ phát sinh ghi chép vào sổ sách kế toán theo định khoản sau:

Nợ TK 112 : 170.000.000

Có TK 131 : 170.000.000

Từ bút toán trên kế toán ghi sổ nhật ký chung đồng thời ghi sổ chi tiết 131 mở cho công ty TNHH dịch vụ thương mại Quang Nhân ,sổ theo dõi tiền gửi ngân hàng. Từ sổ nhật ký chung kế toán ghi sổ cái TK 131, TK 112. Cuối kỳ căn cứ sổ chi tiết TK 131 - phải thu khách hàng mở cho công ty TNHH dịch vụ thương mại Quang Nhân để lập bảng tổng hợp nợ phải thu khách hàng

Biểu số 2.2: Giấy báo có BC 1265

BIDV		Mã GDV: NGUYEN
HANG		
CN HẢI PHÒNG	GIẤY BÁO CÓ	Mã KH:0053194
	Ngày 15/10/2018	Số GD:001265
Kính gửi: Công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm		
Mã số thuế: 0201310692		
Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi Có tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:		
Số tài khoản ghi Có: 32110000433678		
Số tiền bằng số: 170.000.000 VND		
Số tiền bằng chữ: Một trăm bảy mươi triệu đồng chẵn		
Nội dung: Công ty TNHH dịch vụ thương mại Quang Nhân thanh toán tiền hàng		
Giao dịch viên		Kiểm soát

NV3: Ngày 25/11/2018, Công ty TNHH chế biến lâm sản-dăm gỗ Vina thanh toán tiền hàng cho công ty theo HĐKT 235 ngày 28/8/2018, số tiền: 230.000.000 đ, bằng chuyển khoản. Kế toán căn cứ vào các chứng từ phát sinh ghi chép vào sổ sách kế toán theo định khoản sau:

Nợ TK 112 : 230.000.000

Có TK 131: 230.000.000

Căn cứ vào các chứng từ có liên quan, kế toán ghi chép vào sổ Nhật ký chung, đồng thời ghi vào sổ chi tiết TK 131 – phải thu khách hàng mở cho Công ty TNHH chế biến lâm sản –dăm gỗ Vina, sổ theo dõi tiền gửi ngân hàng. Căn cứ vào sổ Nhật ký chung để ghi vào sổ cái TK 131, TK 112. Cuối kỳ căn cứ vào sổ chi tiết TK 131 để kế toán ghi vào Bảng tổng hợp nợ phải thu khách hàng.

Biểu số 2.3: Giấy báo có BC 1314

BIDV		Mã GDV: NGUYEN
HANG		
CN HẢI PHÒNG	GIẤY BÁO CÓ	Mã KH:0053194
	Ngày:25/11/2018	Số GD:001314
Kính gửi:Công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm		
Mã số thuế: 0201310692		
Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi Có tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:		
Số tài khoản ghi Có: 32110000433678		
Số tiền bằng số: 230.000.000 VND		
Số tiền bằng chữ: Hai trăm ba mươi triệu đồng chẵn		
Nội dung: Công ty TNHH chế biến lâm sản-dăm gỗ Vina thanh toán tiền hàng		
Giao dịch viên	Kiểm soát	

NV4: Ngày 18/12/2018, công ty bàn giao 7 tấn dăm cho công ty TNHH dịch vụ thương mại Quang Nhân, tổng số tiền chưa thuế GTGT 10% là 11.200.000, chưa thu tiền.

Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 0002678 và chứng từ liên quan, kế toán ghi chép vào sổ sách theo định khoản sau:

Nợ TK 131 : 12.320.000

Có TK 511 : 11.200.000

Có TK333: 1.120.000

Từ bút toán trên kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung đồng thời ghi vào sổ chi tiết TK 131 - phải thu của khách hàng mở cho công ty TNHH dịch vụ thương mại Quang Nhân. Căn cứ vào sổ Nhật ký chung để ghi sổ cái TK 131, TK 511, TK 333

Cuối kỳ căn cứ vào sổ chi tiết TK 131 mở cho công ty TNHH dịch vụ thương mại Quang Nhân để lập Bảng tổng hợp nợ phải thu của khách hàng

Biểu số 2.4: Hóa đơn GTGT số 0002678

<p>HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG <i>Liên 3: Nội Bộ</i> Ngày 18 tháng 12 năm 2018</p>						Mẫu số: 01GTKT3/001 Ký hiệu: AA/17P Số: 0002678
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN LÂM SẢN QUẾ LÂM Mã số thuế: 0201310692 Địa chỉ: Số 27B đường Nguyễn Công Hòa, phường Lam Sơn, quận Lê Chân, Hải Phòng Điện thoại: 0225.3667566 Fax: Số tài khoản: 32110000433678 Tại Ngân hàng - BIDV Hải Phòng						
Họ tên người mua hàng: Trần Thanh Hoàng Tên đơn vị: Công ty TNHH dịch vụ thương mại Quang Nhàn Mã số thuế: 2802447357 Địa chỉ: Thôn Hải Sơn, xã Các Sơn, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa . Hình thức thanh toán: CK/TM						
ST T	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đv tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
1	2	3	4	5	6=4x5	
1	Dăm	Tấn	7	1.600.000	11.200.000	
Cộng tiền hàng:.....					11.200.000.....	
Thuế suất GTGT: ...10%....					Tiền thuế GTGT:.....1.120.000.....	
Tổng cộng tiền thanh toán:.....					12.320.000.....	
Số tiền viết bằng chữ: Mười hai triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng chẵn.						
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)		

Biểu số 2.5: Trích sổ Nhật ký chung

Công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm
Số 27B đường Nguyễn Công Hòa, phường Lam Sơn,

Mẫu số S03a-DNN
(Ban hành Thông tư số 133/2016 TT-
BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính)

Quận Lê Chân, Hải Phòng

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2018

Đơn vị: *Đồng*

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ		Số phát sinh	
	SH	NT		Nợ	Có	Nợ	Có
....
20/08	HD 2535	20/ 08	Công ty TNHH chế biến lâm sản-dăm gỗ vina mua củi trắng	131		19.800.000	
					511		18.000.000
					333		1.800.000
		
15/10	BC 1265	15/ 10	Công ty TNHH dịch vụ thương mại Quang Nhân thanh toán tiền hàng	112		170.000.000	
					131		170.000.000
		
25/11	BC 1314	25/ 11	Công ty TNHH chế biến lâm sản-dăm gỗ vina thanh toán tiền hàng	112		230.000.000	
					131		230.000.000
		
18/12	HD 2678	18/ 12	Công ty bàn giao 7 tần dăm cho công ty TNHH dịch vụ thương mại Quang Nhân	131		12.320.000	
					511		
					333		11.200.000
							1.120.000
CỘNG PHÁT SINH						91.192.592.738	91.192.592.738

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.6 : Trích sổ cái tài khoản 131

Công ty TNHH chế biến lâm sản Quế Lâm
 Địa chỉ: Số 27B đường Nguyễn Công Hòa, phường Lam Sơn,
 quận Lê Chân, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN
 (Ban hành theo Thông tư số
 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của
 Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Phải thu khách hàng - Số hiệu: 131

Năm 2018

Đơn vị tính: Đồng

NT Ghi Số	Chứng từ		Diễn giải	SH TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		<u>1.245.556.377</u>	
...
20/08	HD 2535	20/08	Công ty TNHH chế biến lâm sản-dăm gỗ vina mua củi trắng	511	18.000.000	
				333	1.800.000	
...
15/10	BC 1265	15/10	Công ty TNHH dịch vụ thương mại Quang Nhàn thanh toán tiền hàng	112		170.000.000
25/11	BC 1314	25/11	Công ty TNHH chế biến lâm sản-dăm gỗ vina thanh toán tiền hàng	112		230.000.000
		
18/12	HĐ 2678	18/12	Công ty bàn giao 7 tấn dăm cho công ty TNHH dịch vụ thương mại Quang Nhàn	511	11.200.000	
				333	1.120.000	
....	
			Cộng số phát sinh		15.410.893.221	14.865.325.434
			Số dư cuối kỳ		<u>1.791.124.164</u>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người lập biểu
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.7: Sổ chi tiết phải thu khách hàng (mở cho công ty TNHH chế biến lâm sản –dăm gỗ vina)

Đơn vị : Công ty TNHH chế biến lâm sản Quế Lâm

Địa chỉ: Số 27B đường Nguyễn Công Hòa, phường Lam Sơn, quận Lê Chân

Mẫu số S12-DNN*(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)***SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA**

Tài khoản: 131

Đối tượng: Công ty TNHH chế biến lâm sản-dăm gỗ vina

Năm :2018

Đơn vị tính:Đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐÚ	Số phát sinh		Số dư	
	SH	NT			Nợ	Có	Nợ	Có
			<u>SDĐK</u>				<u>0</u>	
20/08	HD 2535	20/08	Công ty TNHH chế biến lâm sản-dăm gỗ vina mua củi trắng	511	18.000.000		558.452.678	
				333	1.800.000		560.252.678	
		
25/11	BC 1314	25/11	Công ty TNHH chế biến lâm sản-dăm gỗ vina thanh toán tiền hàng	112		230.000.000	0	
		
			Cộng số phát sinh		1.347.897.656	1.347.897.656		
			<u>SDCK</u>				<u>0</u>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người ghi sổ
(ký, họ tên)Kế toán trưởng
(ký, họ tên)Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.8: Sổ chi tiết phải thu khách hàng (mở cho công ty TNHH dịch vụ thương mại Quang Nhân)

Đơn vị : Công ty TNHH chế biến lâm sản Quế Lâm
 Địa chỉ: Số 27B đường Nguyễn Công Hòa, phường Lam Sơn, quận Lê Chân

Mẫu số S13-DNN
 (Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA

Tài khoản: 131

Đối tượng: Công ty TNHH dịch vụ thương mại Quang Nhân

Năm :2018

Đơn vị tính:Đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐÚ	Số phát sinh		Số dư	
	SH	NT			Nợ	Có	Nợ	Có
			SDDK				469.549.338	
15/10	BC 1265	15/10	Công ty TNHH dịch vụ thương mại Quang Nhân thanh toán tiền hàng	112		170.000.000	299.549.000	
		
18/12	HĐ 2678	18/12	Công ty bàn giao 7 tấn dăm cho công ty TNHH dịch vụ thương mại Quang Nhân	511	11.200.000		65.058.818	
				333	1.120.000		66.178.818	
		
			CỘNG SỐ PHÁT SINH		1.323.663.551	1.574.551.398		
			SDCK				218.661.491	

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.9: Bảng tổng hợp phải thu khách hàng

Đơn vị : Công ty TNHH chế biến lâm sản Quế Lâm

Địa chỉ: Số 27B đường Nguyễn Công Hòa, phường Lam Sơn, quận Lê Chân

BẢNG TỔNG HỢP PHẢI THU KHÁCH HÀNG

Tài khoản: 131

Tên tài khoản: Phải thu khách hàng

Năm 2018

ST T	TÊN KHÁCH HÀNG	Số Dư Đầu Kỳ		Số Phát Sinh		Số Dư Cuối Kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
01	Công ty TNHH chế biến lâm sản-dăm gỗ vina	0	1.347.897.656	1.347.897.656	0
02	Công ty TNHH dịch vụ thương mại Quang Nhàn	469.549.338		1.323.663.551	1.574.551.398	218.661.491	

	CỘNG	1.245.556.377		15.410.893.221	14.865.325.434	1.791.124.164	

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.3. Thực trạng kế toán thanh toán với người bán tại Công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm:

➤ Chứng từ tài khoản và sổ sách sử dụng:

- Chứng từ để sử dụng thanh toán với người bán gồm:

- + Hóa đơn giá trị gia tăng
- + Phiếu chi
- + Giấy báo nợ ngân hàng, ủy nhiệm chi
- + Giấy đề nghị thanh toán
- + Các chứng từ có liên quan

- Tài khoản sử dụng:

+TK 331: Phải trả người bán

Tài khoản này được công ty mở để theo dõi các khoản nợ phải trả người bán có phát sinh tăng trong kỳ và tình hình thanh toán các khoản nợ phải trả cho nhà cung cấp. Để phục vụ cho yêu cầu quản trị công ty đã mở sổ chi tiết để theo dõi từng đối tượng.

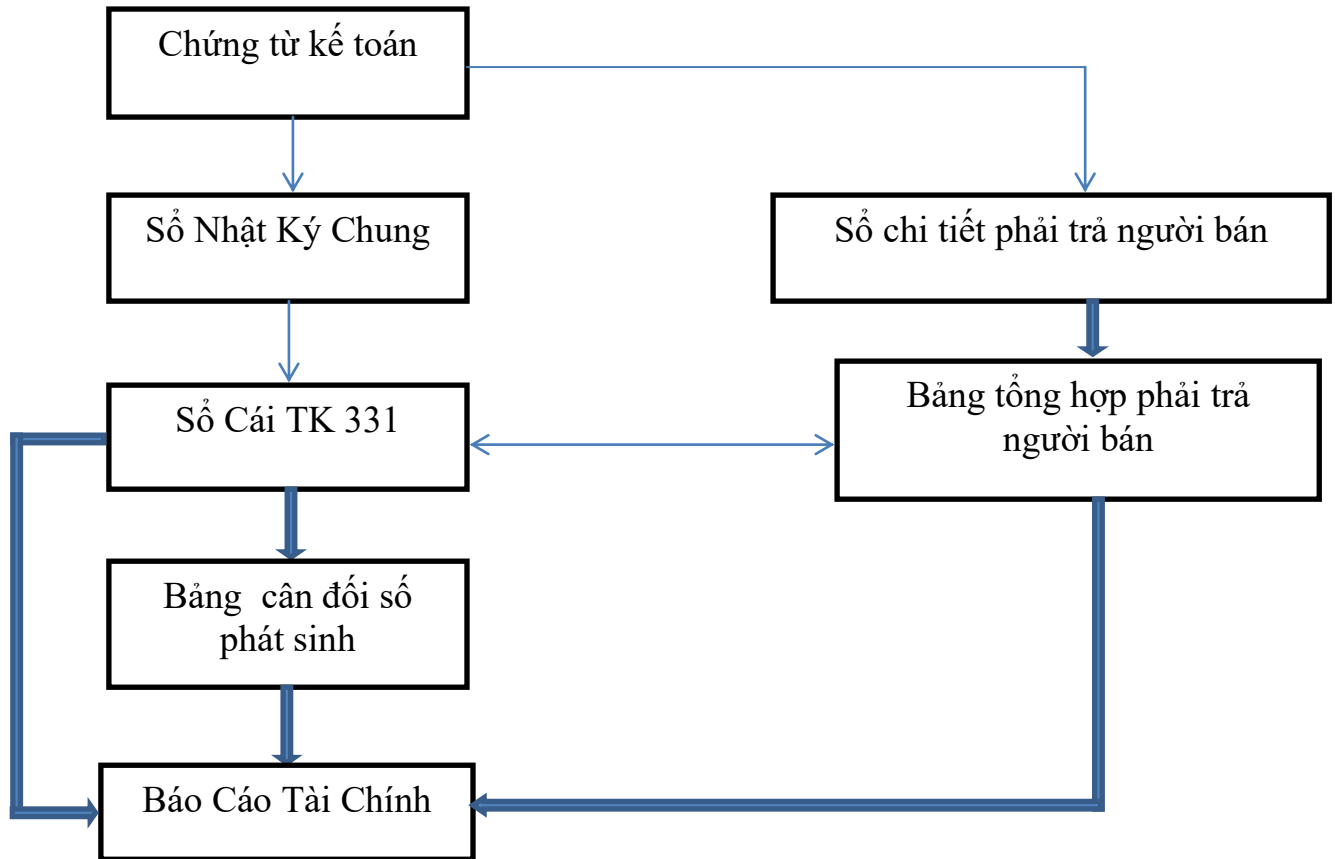
Ngoài ra công ty còn sử dụng các tài khoản:

- + TK 331: phải trả người bán
- + TK 152: Nguyên vật liệu
- + TK 211: Tài sản cố định
- + TK 133: Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ

-Sổ sách sử dụng trong kế toán thanh toán với người bán:

- + Sổ nhật ký chung
- + Sổ chi tiết phải trả người bán
- + Sổ tổng hợp chi tiết phải trả người bán
- + Sổ cái TK 331 và các tài khoản có liên quan

➤ Quy trình hạch toán:



Sơ đồ 2.5: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người bán tại công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm

Ghi chú:

Ghi hàng ngày :

Ghi định kỳ :

Quan hệ đối chiếu , kiểm tra:

- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ để ghi sổ, kế toán tiến hành ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, đồng thời ghi vào sổ chi tiết TK 331
- phải trả cho người bán và các sổ chi tiết có liên quan. Sau đó căn cứ vào Nhật ký chung để ghi vào sổ cái các TK 331, TK 152, TK 133,...
- Cuối kỳ, cộng số liệu trên sổ kế toán lập bảng cân đối số phát sinh. Đồng thời căn cứ vào sổ chi tiết mở cho từng nhà cung cấp để kế toán ghi vào Bảng tổng hợp nợ phải trả người bán. Căn cứ vào số liệu bảng cân đối số phát sinh và bảng tổng hợp chi tiết TK 331 để lập báo cáo tài chính.

VD1: Ngày 10/10/2018, mua gỗ Sồi của Công ty TNHH Hoàng Long, số tiền chưa thuế GTGT là 98.000.000, chưa thanh toán, kế toán định khoản:

Nợ TK152: 98.000.000

Nợ TK133: 9.800.000

Có TK331:107.800.000

Căn cứ các chứng từ có liên quan, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung, đồng thời ghi vào sổ chi tiết TK 331 và sổ chi tiết các tài khoản có liên quan. Kế toán căn cứ vào sổ chi tiết TK 331 lập bảng tổng hợp chi tiết phải trả người bán vào cuối kỳ

Biểu số 2.10:HD GTGT số 2563:

HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG
Liên 2: Giao cho khách hàng
Ngày 10 tháng 10 năm 2018

Mã số: 01GTKT3/001
 Ký hiệu: AA/17P
 Số: 0002563

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY TNHH HOÀNG LONG**

Mã số thuế: 5700103497

Địa chỉ: Tổ 105, khu 6, phường Bạch Đằng, thành phố Hạ Long, Quảng Ninh

Điện thoại: **033.3881.287** Fax:

Họ tên người mua hàng: Nguyễn Thị Hà

Tên đơn vị: Công ty TNHH chế biến lâm sản Quế Lâm

Mã số thuế: 0201310692

Địa chỉ: Số 27B đường Nguyễn Công Hòa, phường Lam Sơn, quận Lê Chân .

Số TK: 32110000433678 Ngân hàng : BIDV

Hình thức thanh toán: CK/TM

ST T	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đv tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Gỗ Sồi	m3	7	14.000.000	98.000.000

Cộng tiền hàng:98.000.000.....

Thuế suất GTGT: ...10%.... Tiền thuế GTGT:9.800.000.....

Tổng cộng tiền thanh toán:107.800.000.....

Số tiền viết bằng chữ: Một trăm lẻ bảy triệu tám trăm nghìn đồng chẵn

Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)	Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)	Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)
--	--	---

VD2: Ngày 10/12/2018. Công ty thanh toán tiền nợ theo hợp đồng cho Công ty TNHH Hoàng Long với số tiền 75.000.000đ, bằng chuyển khoản

Định khoản

Nợ TK331 : 75.000.000

Có TK112: 75.000.000

Căn cứ các chứng từ có liên quan, Kế toán ghi chép vào Nhật ký chung đồng thời ghi vào sổ chi tiết phải trả người bán TK 331, sổ theo dõi tiền gửi ngân hàng. Căn cứ vào số liệu trên Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 331 sổ cái TK 112.

Cuối kỳ căn cứ vào sổ chi tiết phải trả người bán để lập bảng tổng hợp chi tiết phải trả người bán

Biểu số 2.11: Giấy báo nợ của ngân hàng: GBN 2342

BIDV		Mã GDV: NGUYEN HANG
CN HẢI PHÒNG	GIẤY BÁO NỢ	Mã KH:0053342
	Ngày:10/12/2018	Số GD: 002342
Kính gửi:Công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm		
Mã số thuế: 0201310692		
Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi Nợ tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:		
Số tài khoản ghi Nợ: 32110000433678		
Số tiền bằng số: 75.000.000 VND		
Số tiền bằng chữ: Bảy mươi lăm triệu đồng chẵn		
Nội dung: Công ty thanh toán tiền nợ theo hợp đồng cho công ty TNHH Hoàng Long		
Giao dịch viên	Kiểm soát	

VD3: Ngày 15/12/2018, Mua gỗ Chò chỉ của Công ty Cổ phần lâm sản Nam Định. Số lượng 10 m³ giá chưa gồm thuế GTGT 10% 5.000.000/ m³, chưa thanh toán.

Định khoản

Nợ TK152: 50.000.000

Nợ TK133: 5.000.000

Có TK331: 55.000.000

Căn cứ vào hóa đơn giá trị gia tăng số 0002870 và các chứng từ kế toán có liên quan, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung, đồng thời ghi vào sổ chi tiết phải trả người bán TK 331, sổ chi tiết TK 152. Căn cứ vào số liệu trên sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 331, TK 152, TK 133.

Căn cứ vào sổ chi tiết phải trả người bán để kế toán ghi vào Bảng tổng hợp chi tiết phải trả người bán vào cuối kỳ.

Biểu số 2.12: HĐ GTGT số 0002870

HÓA ĐƠN			Mã số: 01GTKT3/001		
GIÁ TRỊ GIA TĂNG			Ký hiệu: AA/17P		
<i>Liên 2: Giao cho khách hàng</i>			Số: 0002870		
<i>Ngày 15 tháng 12 năm 2018</i>					
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM SẢN NAM ĐỊNH					
Mã số thuế : 2802447357					
Địa chỉ: Lô C1 đường D2 khu Công nghiệp Hòa Xá, Xã Lộc Hoà, Thành phố Nam Định, Nam Định					
Điện thoại: 03503843091 Fax: 03503862220					
Số tài khoản: 7301-0180 Tại Ngân hàng Đầu Tư và Phát triển Tỉnh Nam Định					
Họ tên người mua hàng: Nguyễn Thị Hà					
Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN LÂM SẢN QUẾ LÂM					
Mã số thuế: 0201310692					
Địa chỉ : Số 27B đường Nguyễn Công Hòa, phường Lam Sơn, quận Lê Chân, Hải Phòng					
Hình thức thanh toán: CK/TM					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đv tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Gỗ Chò Chỉ	m3	10	5.000.000	50.000.000
Cộng tiền hàng:.....					50.000.000
Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT.....					5.000.000
Tổng cộng tiền thanh toán:.....					55.000.000
Số tiền viết bằng chữ: Năm mươi lăm triệu đồng chẵn.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	

VD4: Ngày 18/12/2018. Công ty ứng trước tiền theo hợp đồng cho Công ty TNHH Hoàng Long với số tiền 13.500.000đ, bằng tiền mặt, Định khoản:

Nợ TK331 :13.500.000

Có TK111 : 13.500.000

Căn cứ các chứng từ có liên quan kế toán ghi chép vào sổ Nhật ký chung đồng thời ghi vào sổ chi tiết phải trả người bán TK 331, sổ quỹ tiền mặt. Căn cứ vào số liệu sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK331 ,sổ cái TK 111.

Biểu số 2.13: Phiếu chi tiền

Công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm		Mẫu số 02-TT		
Số 27B đường Nguyễn Công Hòa, phường Lam Sơn,		(Ban hành Thông tư số 133/2016 TT- BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính)		
PHIẾU CHI				
Hải Phòng, ngày 18 tháng 12 năm 2018				
		Số 796		
		Nợ 331		
		Có 111		
Họ và tên người nhận: Đoàn Hải Minh				
Địa chỉ: Phòng kinh doanh				
Lý do chi: Chi tạm ứng tiền mua hàng cho Công ty TNHH Hoàng Long				
Số tiền: 13.500.000 (<i>Viết bằng chữ: Mười ba triệu năm trăm nghìn đồng chẵn</i>).				
Kèm theo 01 chứng từ gốc		Giấy đề nghị tạm ứng		
Ngày 18 tháng 12 năm 2018				
Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Người lập	Người nhận	Thủ quỹ
(<i>ký, họ tên</i>)	(<i>ký, họ tên</i>)	(<i>ký, họ tên</i>)	(<i>ký, họ tên</i>)	(<i>ký, họ tên</i>)
Đã nhận đủ số tiền (<i>viết bằng chữ</i>). Mười ba triệu năm trăm nghìn đồng chẵn				
+Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý).....				
+Số tiền quy đổi.....				

VD5: Ngày 20/12/2018. Công ty thanh toán tiền mua gỗ Chò chỉ cho Công ty Cổ phần lâm sản Nam Định với số tiền 55.000.000đ, bằng chuyển khoản, Định khoản:

Nợ TK331 : 55.000.000

Có TK112: 55.000.000

Căn cứ các chứng từ có liên quan, Kế toán ghi chép vào Nhật ký chung đồng thời ghi vào sổ chi tiết phải trả người bán TK 331, sổ theo dõi tiền gửi ngân hàng. Căn cứ vào số liệu trên Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 331 sổ cái TK 112.

Cuối kỳ căn cứ vào sổ chi tiết phải trả người bán để lập bảng tổng hợp chi tiết phải trả người bán

Biểu số 2.14: Giấy báo nợ của ngân hàng: GBN 2443

BIDV		Mã GDV: NGUYEN HANG
CN HẢI PHÒNG	GIẤY BÁO NỢ	Mã KH:0053443
	Ngày:20/12/2018	Số GD: 002443
Kính gửi:Công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm		
Mã số thuế: 0201310692		
Hôm nay chúng tôi xin báo đã ghi Nợ tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:		
Số tài khoản ghi Nợ: 32110000433678		
Số tiền bằng số: 55.000.000 VND		
Số tiền bằng chữ: Năm mươi lăm triệu đồng chẵn		
Nội dung: Công ty thanh toán tiền mua gỗ Chò Chỉ công ty Cổ phần lâm sản Nam Định		
Giao dịch viên	Kiểm soát	

Biểu số 2.15: Trích sổ Nhật ký chung

Công ty TNHH chế biến lâm sản Quế Lâm
 Địa chỉ: Số 27B đường Nguyễn Công Hòa,
 phường Lam Sơn, quận Lê Chân

Mẫu số S03a-DNN
 (Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày
 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2018

Đơn vị tính : đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ		Số phát sinh	
	SH	NT		Nợ	Có	Nợ	Có
			...				
10/10	HĐ 2563	10/10	Mua chịu gỗ Sồi của công ty TNHH Hoàng Long	152		98.000.000	
				133		9.800.000	
					331		107.800.000
....
10/12	GBN 2342	10/12	Thanh toán tiền nợ theo hợp đồng cho công ty TNHH Hoàng Long	331		75.000.000	
					112		75.000.000
....
15/12	HĐ 2870	15/12	Mua chịu gỗ Chò Chỉ của công ty Cổ Phần lâm sản Nam Định	152		50.000.000	
				133		5.000.000	
					331		55.000.000
....
18/12	PC 796	18/12	Ứng trước tiền theo hợp đồng cho công ty TNHH Hoàng Long	331		13.500.000	
					111		13.500.000
....
20/12	GBN 2443	20/12	Thanh toán tiền mua gỗ Chò Chỉ cho công ty Cổ Phần lâm sản Nam Định	331		55.000.000	
					112		55.000.000
....
			Tổng cộng			91.192.592.738	91.192.592.738

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người lập biểu
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.16: Trích sổ cái tài khoản 331

Công ty TNHH chế biến lâm sản Quế Lâm
 Địa chỉ: Số 27B đường Nguyễn Công Hòa, phường Lam Sơn,
 quận Lê Chân, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN
 (Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-
 BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Phải trả người bán

Số hiệu TK: 331

Đơn vị tính: đồng

NT Ghi Số	Chứng từ		Diễn giải	SH TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kỳ</u>			<u>896.349.785</u>
...
10/10	HĐ 2563	10/10	Mua chịu gỗ Sồi của công ty TNHH Hoàng Long	152		98.00.000
				133		9.800.000
.....
10/12	GBN 2342	10/12	Thanh toán tiền nợ theo hợp đồng cho công ty TNHH Hoàng Long	112	75.000.000	
.....
15/12	HĐ 2870	15/12	Mua chịu gỗ Chò Chỉ của công ty Cổ phần lâm sản Nam Định	152		50.000.000
				133		5.000.000
....
18/12	PC 796	18/12	Ứng tiền theo hợp đồng cho công ty TNHH Hoàng Long	111	13.500.000	
.....
20/12	GBN 2443	20/12	Thanh toán tiền mua gỗ Chò Chỉ cho công ty Cổ phần lâm sản Nam Định	112	55.000.000	
....		
			Cộng số phát sinh		12.961.026.770	12.862.579.156
			<u>Số dư cuối kỳ</u>			<u>797.902.171</u>

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người lập biểu
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.17: Sổ chi tiết phải trả người bán:

Đơn vị : Công ty TNHH chế biến lâm sản Quế Lâm
Địa chỉ: Số 27B đường Nguyễn Công Hòa,
phường Lam Sơn, quận Lê Chân

Mẫu số S12-DNN

(Ban hành theo Thông tư số
133/2016/TT-BTC

ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI BÁN

Tài khoản: 331

Đối tượng: Công ty TNHH Hoàng Long

Năm :2018

Đơn vị tính: Đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐÚ	Số phát sinh		Số dư	
	SH	NT			Nợ	Có	Nợ	Có
			SDĐK					68.452.608
10/10	HD 2563	10/10	Công ty mua hàng chưa thanh toán	152		98.000.000		166.452.608
				133		9.800.000		176.252.608
...
10/12	GBN 2342	10/12	Công ty thanh toán tiền	112	75.000.000			12.890.000
.....
18/12	PC 796	18/12	Công ty ứng trước tiền hàng	111	13.500.000		13.500.000	
			Cộng số phát sinh		854.661.792	871.339.907		
			SDCK					85.130.723

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.18: Sổ chi tiết phải trả người bán:

Đơn vị : Công ty TNHH chế biến lâm sản Quế Lâm

Địa chỉ: Số 27B đường Nguyễn Công Hòa, phường Lam Sơn, quận Lê Chân

Mẫu số S12-DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC

ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI BÁN

Tài khoản: 331

Đối tượng: Công ty Cổ phần lâm sản Nam Định

Năm :2018

Đơn vị tính: Đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	SH	NT			Nợ	Có	Nợ	Có
			<u>SDDK</u>					<u>55.423.095</u>
15/12	HĐ 2870	15/12	Công ty mua hàng chưa thanh toán	152		50.000.000		105.423.095
				133		5.000.000		110.423.095
...
20/12	GBN 2443	20/12	Công ty thanh toán tiền	112	55.000.000			0
.....
			Cộng số phát sinh		<u>871.058.976</u>	<u>853.766.382</u>		
			<u>SDCK</u>					<u>38.130.501</u>

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.19: Trích Bảng tổng hợp phải trả người bán

Đơn vị : Công ty TNHH chế biến lâm sản Quế Lâm

Địa chỉ: Số 27B đường Nguyễn Công Hòa, phường Lam Sơn, quận Lê Chân

BẢNG TỔNG HỢP PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

Tài khoản: 331

Tên tài khoản: Phải trả người bán

Năm 2018

Đơn vị :Đồng

ST T	TÊN KHÁCH HÀNG	Số Dư Đầu Kỳ		Số Phát Sinh		Số Dư Cuối Kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
01	Công ty TNHH Hoàng Long		68.452.608	854.661.792	871.339.907		85.130.723
02	Công ty Cổ phần Nam Định		55.423.095	871.058.976	853.766.382		38.130.501
		
	CỘNG	0	896.349.785	12.961.026.770	12.862.579.156	0	797.902.171

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người lập

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên)

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN THANH TOÁN TẠI CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN LÂM SẢN QUẾ LÂM

3.1. Đánh giá thực trạng tổ chức thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm:

Công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm là một doanh nghiệp vừa và nhỏ kinh doanh trong lĩnh vực lâm sản, vận tải. Cũng như các công ty khác, Công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm mong muốn mình để lại ấn tượng tốt với khách hàng cũng như nhà cung cấp. Để đáp ứng mong muốn đó thì ngoài chất lượng sản phẩm cũng như đãi ngộ tốt thì công việc thanh toán cũng không được chậm trễ. Do đó, công tác kế toán về công nợ với các nhà cung cấp và khách hàng là một vấn đề vô cùng quan trọng.

Qua thời gian thực tập và tìm hiểu thực tế tại Công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm, em nhận thấy công tác kế toán nói chung và công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán nói riêng có những ưu điểm và hạn chế sau:

3.1.1. Ưu điểm:

Về tổ chức bộ máy kế toán: Công ty áp dụng mô hình kế toán tập trung, mọi chứng từ sổ sách đều tập trung tại phòng kế toán chịu sự kiểm soát trực tiếp từ kế toán trưởng. Vì vậy, số liệu luân chuyển qua các sổ sách đều chính xác, rõ ràng, đúng trình tự.

Về cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý: Công ty đã tổ chức bộ máy gọn nhẹ, hợp lý, phù hợp với ngành nghề kinh doanh của mình. Các phòng ban hoạt động hiệu quả, cung cấp thông tin kịp thời nhanh chóng cho các cấp quản lý. Nhân viên có năng lực, nhiệt tình trong công việc, trình độ nghiệp vụ kế toán của cán bộ kế toán luôn được nâng cao.

Về hình thức kế toán: Công ty áp dụng theo hình thức “Nhật ký chung”, đây là hình thức kế toán đơn giản, phổ biến, phù hợp với hoạt động kinh doanh diễn ra tại công ty. Đồng thời, các nghiệp vụ kế toán phát sinh được phản ánh rõ ràng

trên sổ Nhật ký chung, các sổ cái và sổ chi tiết theo trình tự thời gian giúp thông tin kế toán được cập nhật thường xuyên và đầy đủ.

Về hệ thống tài khoản: Công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm sử dụng hệ thống tài khoản theo đúng quy định của Bộ tài chính, ngoài ra còn xây dựng hệ thống tài khoản cấp 2 theo đặc điểm riêng của công ty một cách đầy đủ và chi tiết nhất.

Về hệ thống chứng từ, tài khoản:

-Các chứng từ sử dụng cho việc hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, đúng mẫu do Bộ tài chính ban hành.

-Công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm sử dụng những tài khoản trong hệ thống tài khoản ban hành theo quyết định số TT133/2016/QĐ-BTC ngày 26 tháng 08 năm 2016 của Bộ tài chính. Công ty luôn cập nhật những thay đổi trong chế độ kế toán theo quy định của Nhà nước.

Về hệ thống báo cáo tài chính: Các báo cáo tài chính được lập theo đúng mẫu biểu quy định và đảm bảo tính chính xác, kịp thời cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý kinh tế tài chính của công ty.

Về hạch toán kế toán thanh toán: Công tác hạch toán kế toán thanh toán luôn được hoàn thành đúng lúc, công ty đã mở sổ chi tiết để theo dõi công nợ từng đối tượng người mua, người bán. Theo dõi chi tiết như vậy giúp cho việc hạch toán tổng hợp một cách nhanh chóng, kịp thời, kế toán có thể cung cấp cho người quản lý những thông tin chính xác về tình hình công nợ của công ty, nhà quản lý có thể nắm bắt tình hình tài chính của công ty và đưa ra các hoạch định chiến lược cho công ty.

Về công tác thanh toán, thu hồi công nợ: Công tác thanh toán, thu hồi nợ của công ty được đánh giá chung là tương đối tốt. Công ty đã tiến hành mở sổ chi tiết TK 131 và TK 331 để theo dõi cho từng đối tượng người mua và người bán khi có phát sinh các khoản nợ phải thu và phải trả. Điều này giúp cho nhà quản lý có được những thông tin chính xác về tình hình công nợ của công ty để thu xếp thanh toán, chi trả đúng hạn và kịp thời cũng như thu hồi các khoản nợ phải thu.

3.1.2. Hạn chế:

Bên cạnh những kết quả đã đạt được thì công tác kế toán thanh toán tại Công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm còn bộc lộ những hạn chế sau:

Thứ nhất: Công ty chưa tiến hành trích lập dự phòng phải thu khó đòi mặc dù thực tế tại Công ty có phát sinh các khoản nợ phải thu khó đòi, thậm chí có cả khoản nợ được xác định là không đòi được. Điều này không phản ánh đúng bản chất tài sản, nguồn vốn của đơn vị, ảnh hưởng rất lớn đến tài chính của doanh nghiệp nếu như những khoản nợ này không thể thu hồi được trong tương lai.

Ví dụ 3.1:**Đơn vị: Công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm**

Số 27B đường Nguyễn Công Hòa, phường Lam Sơn, quận Lê Chân

BÁO CÁO TÌNH HÌNH CÔNG NỢ ĐẾN HẾT 31/12/2018**Đơn vị tính: Đồng**

STT	Tên công ty	Số tiền nợ	Chưa đến hạn	Đến hạn	Quá hạn	Ghi chú
1	Công ty Cổ Phần thương mại lâm sản Hải phòng	43.550.200			43.550.200	1 năm 8 tháng
2	Công ty gỗ Bảo Minh	15.000.000			15.000.000	9 tháng
3	Công ty TNHH Đầu tư xây dựng thương mại Sinh Thái	38.980.000		38.980.000		
4	Công ty TNHH Phú Quý Việt Nam	21.000.000	21.000.000			
5	Công ty TNHH lâm sản và dvtm Mạnh Vân	85.700.000			85.700.000	7 tháng
6	Công ty lâm sản Quảng Nam	50.460.000			50.460.000	1 năm 3 tháng
....				
	Tổng cộng	1.791.124.164	878.200.000	657.342.100	194.710.200	

Ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thứ hai: Về việc vận dụng chính sách chiết khấu thanh toán trong công tác thu hồi vốn : Nguồn thu từ khách hàng chính là nguồn để trả nợ cho người bán và trang trải các hoạt động trong công ty đồng thời có thu được tiền bán hàng thì công ty mới bắt đầu một chu trình kinh doanh mới. Công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm có doanh thu tương đối lớn trong đó có đến gần 60% là thanh toán sau nhưng chiết khấu thanh toán lại không được sử dụng một cách linh hoạt. Chiết khấu thanh toán chính là một lợi ích mà khách hàng không thể bỏ qua khi xác định thời điểm trả nợ. Do vậy đây chính là một công cụ đặc lực trong việc xúc tiến trong quá trình thu hồi nợ. Cũng như là huy động vốn để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Thứ ba: Công tác ghi chép sổ sách kế toán tại công ty vẫn được thực hiện một cách thủ công, tiến hành bằng tay mặc dù có sự hỗ trợ của Excel nhưng việc phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh, luân chuyển chứng từ còn chậm, dễ gặp phải những sai sót, giảm hiệu quả của công việc.

3.2. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm:

Nền kinh tế Việt Nam đang trên đà hội nhập và phát triển, đối với mỗi doanh nghiệp đây không chỉ là một cơ hội mà còn là một thách thức, thách thức đòi hỏi mỗi doanh nghiệp phải nỗ lực phấn đấu để tồn tại.

Để có thể cạnh tranh với đối thủ trong nền kinh tế thị trường hiện nay thì mỗi doanh nghiệp phải có chính sách quản lý tốt, thay đổi cơ chế quản lý đã không còn phù hợp. Để công tác quản lý tốt nhất, doanh nghiệp hoạt động hiệu quả đòi hỏi nhà quản lý sử dụng nhiều sự hỗ trợ khác nhau trong đó công tác kế toán là vô cùng quan trọng. Trong công tác kế toán thì việc hạch toán các nghiệp vụ thanh toán giúp cho việc quản lý tài chính, cung cấp thông tin, số liệu chính xác tình hình hoạt động của doanh nghiệp. Vì vậy, Công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm cũng luôn hoàn thiện bộ máy kế toán, công tác kế toán nói chung và công tác kế toán thanh toán với người mua người bán nói riêng.

3.3. Nguyên tắc hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm

Việc hoàn thiện công tác kế toán thanh toán phải tuân thủ các nguyên tắc kế toán tài chính, lấy các nghị định thông tư hướng dẫn thi hành làm trọng tâm, từ đó xây dựng hệ thống kế toán cho công ty tránh trường hợp trái pháp luật.

Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua người bán phải đảm bảo cung cấp thông tin kế toán kịp thời, tránh để tình trạng thông tin bị dồn ứ.

Hoàn thiện công tác kế toán không chỉ đảm bảo tính kịp thời mà cả tính chính xác của thông tin kế toán. Việc cung cấp thông tin kế toán kịp thời là rất quan trọng nhưng cũng không vì thế mà kế toán có thể đưa ra các thông tin thiếu chính xác. Các thông tin như vậy sẽ không thực sự có giá trị trong việc ra quyết định.

Các giải pháp hoàn thiện công tác kế toán muốn thực hiện được thì phải đảm bảo tính tiết kiệm và hiệu quả. Bất cứ một giải pháp hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua người bán nào đưa ra cũng phải tính đến những chi phí bỏ ra như chi phí tài chính, chi phí lương nhân viên và những hiệu quả mang lại từ việc áp dụng nó. Chỉ khi nào hiệu quả lớn hơn chi phí thì mới được sử dụng.

3.4. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại Công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm:

Căn cứ vào những nghiên cứu thực tiễn về tình hình hạch toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm và trên cơ sở yêu cầu, nguyên tắc hoàn thiện công tác kế toán em xin đưa ra một số kiến nghị hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với khách hàng, nhà cung cấp như sau:

❖ Giải pháp 1: Về việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Hiện nay, Công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm đang có những khoản nợ xấu, công ty đã thực hiện đòi nợ nhiều lần nhưng chưa thành công và có khoản nợ xác định là không đòi được. Vì vậy, việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi cũng như xóa sổ các khoản nợ xác định là không đòi được.

Làm được điều này sẽ giúp doanh nghiệp hạn chế tối đa tổn thất phải chịu khi có những sự cố khách hàng không thể thanh toán được cũng như phản ánh đúng đắn tình hình tài chính của doanh nghiệp tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Sau đây em xin đưa ra các điều kiện cũng như phương hướng lập phòng phải thu khó đòi theo quy định của nhà nước, công ty có thể tham khảo nếu như trong tương lai xuất hiện tình trạng nợ phải thu khó đòi.

Căn cứ để lập trích lập dự phòng là thông tư số 228/2009-BTC, sửa đổi và bổ sung theo thông tư số 34/2011-BTC và thông tư số 89/2013-BTC

Điều kiện lập dự phòng: Doanh nghiệp có thể lập dự phòng phải thu khó đòi khi các khoản nợ có điều kiện như sau:

- Khoản nợ phải có chứng từ gốc, có đối chiếu xác nhận của khách nợ về số tiền còn nợ bao gồm: Hợp đồng kinh tế, bản thanh lý hợp đồng, cam kết nợ, đối chiếu công nợ và các chứng từ khác.

- Các khoản nợ không đủ căn cứ xác định là nợ phải thu theo quy định này phải xử lý như một khoản tổn thất.

- Mức trích lập dự phòng phải thu khó đòi doanh nghiệp có thể áp dụng.

Trước hết doanh nghiệp phải dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra và tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ và tiến hành lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, kèm theo chứng từ chứng minh các khoản nợ khó đòi trên.

Trong đó:

Thời gian quá hạn	Mức trích lập dự phòng
Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	30%
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	50%
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	70%
Từ 3 năm trở lên	100%

- Đối với khoản nợ thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc

đã chết.... thì doanh nghiệp dự tính mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng.

Tài khoản sử dụng: Việc trích lập dự phòng sẽ hạch toán theo tài khoản 229 (2293), đây là tài khoản dùng để phản ánh tình hình trích lập, sử dụng và hoàn nhập khoản dự phòng các khoản phải thu khó đòi hoặc có khả năng không đòi được vào cuối niên độ kế toán:

TK 229 : Dự phòng tổn thất tài sản.

TK 2293: Dự phòng phải thu khó đòi.

Kết cấu tài khoản: TK 2293

Bên Nợ:

- Hoàn nhập chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập kỳ trước chưa sử dụng hết.

- Bù đắp giá trị khoản đầu tư vào các đơn vị khác khi có quyết định dùng số

dự phòng đã lập để bù đắp số tổn thất xảy ra. Bù đắp phần giá trị đã được lập dự phòng của khoản nợ không thể thu hồi được phải xóa sổ

Bên Có:

- Trích lập các khoản dự phòng tổn thất tài sản tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Số dư bên Có: Số dự phòng tổn thất tài sản hiện có cuối kỳ

Các nghiệp vụ liên quan đến trích lập dự phòng và xử lý dự phòng nợ phải thu khó đòi được thể hiện như sau:

+ Cuối năm tài chính N, doanh nghiệp cần tính toán để trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi cho năm N+1 nếu có phát sinh, kế toán ghi:

Nợ TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 2293 – Dự phòng phải thu khó đòi

+ Cuối năm tài chính N +1, nếu số dư nợ phải thu khó đòi cần trích lập ở năm nay lớn hơn số đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch lớn hơn được hạch toán vào chi phí, ghi:

Nợ TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 2293 – Dự phòng phải thu khó đòi

+ Cuối năm tài chính N +1, nếu số dư nợ phải thu khó đòi cần trích lập ở năm nay nhỏ hơn so với năm trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch được hoàn nhập ghi giảm chi phí :

Nợ TK 2293 – Dự phòng phải thu khó đòi

Có TK 642- Chi tiết hoàn nhập khoản dự phòng phải thu khó đòi

+ Các khoản nợ phải thu khó đòi khi xác định là không đòi được phép xóa nợ, ghi:

Nợ TK 2293- Dự phòng phải thu khó đòi (Nếu đã trích lập dự phòng)

Nợ TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp (Nếu chưa lập dự phòng)

Có TK 131- Phải thu khách hàng

Có TK 138- Phải thu khác

+ Đối với các khoản nợ phải thu khó đòi đã xử lý xóa nợ, nếu sau đó lại thu hồi được nợ, kế toán căn cứ vào giá trị thực tế của khoản nợ đã thu hồi được, ghi:

Nợ TK 111, 112...

Có TK 711- Thu nhập khác

+ Các khoản nợ phải thu khó đòi có thể được bán cho công ty mua, bán nợ. Khi các doanh nghiệp hoàn thành thủ tục bán các khoản nợ phải thu cho công ty mua, bán nợ và thu được tiền, kế toán ghi:

Nợ TK 111, 112...- Số tiền thu được từ việc bán khoản nợ phải thu

Nợ TK 2293 – Dự phòng phải thu khó đòi (Số chênh lệch được bù đắp bằng khoản dự phòng phải thu khó đòi)

Có TK 131, 138 :

Ví dụ 3.2: Số tiền cần trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi của công ty xác định được cuối năm 2018 như sau:

Đơn vị: Công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm

Số 27B đường Nguyễn Công Hòa, phường Lam Sơn, quận Lê Chân

BẢNG TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Tại ngày 31/12/2018

STT	Tên khách hàng	Số tiền nợ	Thời gian quá hạn	Tỷ lệ trích	Số tiền trích
1	Công ty Cổ Phần thương mại lâm sản Hải phòng	43.550.200	1 năm 8 tháng	50%	21.775.100
2	Công ty gỗ Bảo Minh	15.000.000	9 tháng	30%	4.500.000
3	Công ty TNHH lâm sản và dvtm Mạnh Vân	85.700.000	7 tháng	30%	25.710.000
4	Công ty lâm sản Quảng Nam	50.460.000	1 năm 3 tháng	50%	25.230.000
	Tổng Cộng	194.710.200			83.215.100

Ngày 31 tháng 12 năm

2018

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên)

Định khoản đối với bảng trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi :

Nợ TK 6422 : 83.215.100

Có TK 2293 : 83.215.100

❖ ***Giải pháp 2: Về việc xây dựng chính sách chiết khấu thanh toán cho các***

khách hàng thanh toán nhanh, thanh toán trước hạn

Chiết khấu thanh toán là một biện pháp thúc đẩy việc thu hồi vốn cũng như nâng cao hiệu quả kinh doanh. Đây là một trong những yếu tố cần thiết để doanh nghiệp có thể cạnh tranh với các đối thủ khác.

Tỷ lệ chiết khấu thanh toán chưa có quy định thống nhất của Bộ Tài Chính.

Vì vậy, mức chiết khấu thanh toán có thể được công ty dựa trên tình hình của công

ty, lãi suất tiền gửi tại ngân hàng doanh nghiệp mở tài khoản và cũng có thể tham khảo của một số doanh nghiệp cùng ngành tương đồng về quy mô.

• **Tài khoản sử dụng:** TK 635: Chi phí tài chính

Phương pháp hạch toán

- Số chiết khấu thanh toán phải trả cho khách hàng do khách hàng thanh toán tiền nhanh và trước thời hạn quy định, trừ vào khoản nợ phải thu của khách hàng, ghi:

Nợ TK 635 :Số tiền chiết khấu thanh toán cho khách hàng

Có TK 131, 111, 112:

- Cuối kỳ kết chuyển chi phí tài chính sang TK 911:

Nợ TK 911: Xác định kết quả kinh doanh

Có TK 635: Chi phí tài chính

Ví dụ: Lãi suất tiền gửi kỳ hạn 3 tháng tại ngân hàng BIDV tại ngày 31/12/2018 là 6.8% /năm; lãi suất cho vay ngắn hạn là 10%/năm. Công ty sẽ có những khoản chiết khấu cho khách hàng như sau:

- Chiết khấu 7%/ năm đối với khách hàng thanh toán dưới 15 ngày .
- Chiết khấu 7,5%/ năm đối với khách hàng thanh toán trước từ 16 đến 30 ngày

- Chiết khấu 8%/năm đối với khách hàng thanh toán > 30 ngày

❖ **Giải pháp 3: Sử dụng phần mềm kế toán vào công tác kế toán của doanh nghiệp.**

Việc áp dụng các phần mềm kế toán vào công tác kế toán đang là xu hướng hiện nay với ưu điểm là mang lại hiệu quả cao trong công việc. Do đó công ty nên xem xét mua một trong những phần mềm kế toán thông dụng nhất hiện nay như MISA, Fast Accounting.... Với những phần mềm này công việc kế toán sẽ trở nên gọn nhẹ, nhanh chóng, mang lại hiệu quả cao trong việc.

Dưới đây là một vài phần mềm phổ biến nhất:

Công ty nên mua một số phần mềm kế toán hiệu quả đang có mặt trên thị trường: Misa, Fast, Smart

* **Phần mềm kế toán Fast Accounting:** <http://www.fast.com.vn/>



Phần mềm kế toán Fast Accounting phát triển từ năm 1997. Hiện này có hơn 15.000 khách hàng. Phần mềm làm việc qua internet với tốc độ cực nhanh và có thể thực hiện chỉnh sửa theo yêu cầu của từng khách hàng.

Nghiệp vụ đầy đủ, báo cáo và sổ sách đúng theo chế độ kế toán, thuế:

- Fast Accounting 11 có 1 phân hệ thống và 14 phân hệ nghiệp vụ, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về kế toán, thuế cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ.
- Có thể hạch toán với mô hình phức tạp như nhiều đơn vị cấp dưới, nhiều bộ phận hạch toán, nhiều loại ngoại tệ...
- Luôn được cập nhật các thông tư về kế toán và thuế của Bộ tài chính và Tổng cục thuế, lên các báo cáo tài chính và sổ sách kế toán theo đúng quy định.

Fast Accounting có 4 phiên bản cho các loại hình sxkd khác nhau: dịch vụ, thương mại, xây lắp và sản xuất. Tùy theo nhu cầu, khách hàng chọn mua phiên bản phù hợp.

*Phần mềm kế toán MISA:

MISA SME.NET là phần mềm kế toán dành cho mọi doanh nghiệp, đáp ứng đầy đủ các nghiệp vụ kế toán: Quỹ, Ngân hàng, Mua hàng, Bán hàng, Quản lý hóa đơn, Thuế, Kho, Tài sản cố định, Công cụ dụng cụ, Tiền lương, Giá thành, Hợp đồng, Ngân sách, Tổng hợp. MISA SME.NET phù hợp triển khai cho doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực: Thương mại; Dịch vụ; Xây lắp; Sản xuất



- Ưu điểm:

- + Xử lý được hầu hết các nghiệp vụ phát sinh của doanh nghiệp từ quỹ, ngân hàng, hàng tồn kho, tài sản cố định, công cụ dụng cụ, giá thành, thuế, lương,...Xử lý tốt và ổn định.
- + Cập nhật rất tốt và nhanh chóng luật, thông tư, nghị định mới nhất ở các phiên bản tiếp theo của phần mềm.
- + Phiên bản vá lỗi được cập nhật miễn phí

- Nhược điểm:

- + Phần hệ lương không xử lý được hoa hồng của bộ phận bán hàng trực tiếp trên phần mềm.
- + Muốn hạch toán được giá thành trên phần mềm cần phải am hiểu rõ phần mềm.
- + Khi có sự sai sót trong quá trình nhập liệu, sửa xong thì phải tắt đi mở lại mới chạy được

***Phần mềm kế toán EFFECT:**

EFFECT Standard là phần mềm đóng gói, đơn giản, dễ sử dụng, đáp ứng. Phiên bản dành cho doanh nghiệp vừa và nhỏ có khối lượng dữ liệu phát sinh không quá lớn. Nếu doanh nghiệp có nhu cầu quản trị cao hơn so với việc làm kế toán theo chế độ thì doanh nghiệp cũng có thể nâng cấp lên phiên bản EFFECT Standard2 hoặc các dòng sản phẩm Customize khác.



KẾT LUẬN

Hiện nay quản lý công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán là một vấn đề gây đau đầu cho những người làm sản xuất và kinh doanh, dù muốn hay không doanh nghiệp vẫn luôn phải đối mặt với nó, ví dụ như làm thế nào để thu hồ công nợ không những đúng, kịp thời mà còn ngăn ngừa được những rủi ro tiềm ẩn có thể dẫn đến tình trạng nợ xấu, nợ khó đòi mà vẫn giữ được mối quan hệ tốt đẹp giữa hai bên... Do đó việc hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán nhằm quản lý tốt công nợ luôn là mối quan tâm lớn của doanh nghiệp.

Với đề tài “Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quý Lâm”, em đã tìm hiểu cơ sở lý luận của các doanh nghiệp vụ thanh toán cũng như thực trạng hạch toán các nghiệp vụ thanh toán tại công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quý Lâm và đưa ra một số biện pháp khắc phục, hoàn thiện công tác kế toán tại công ty. Có thể nói, công tác kế toán thanh toán của công ty có những ưu điểm:

- + Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo hình thức tập trung, khá gọn nhẹ nhưng có tính hoàn thiện tương đối cao, hoạt động nề nếp với quy trình làm việc khoa học.

- + Hệ thống sổ sách, tài khoản kế toán khoa học, tuân thủ đúng chế độ kế toán ban hành theo TT 133/2016/TT – BTC ngày 26/08/2016.

- + Về công tác kế thanh toán được thực hiện khá chặt chẽ, khoa học, phù hợp với tình hình đơn vị, cung cấp thông tin nhanh và chính xác về tình hình công nợ.

Song cũng không tránh khỏi những hạn chế:

- + Công ty chưa tiến hành trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

- + Công ty chưa áp dụng biện pháp chiết khấu để thu nợ sớm.

- + Công tác ghi chép sổ sách kế toán chưa hiệu quả.

***Kiến nghị:**

- Công ty cần trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi để đảm bảo để nguyên tắc thận trọng trong kế toán.

- Kiến nghị về việc áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán để thu hồi nợ nhanh.

- Kiến nghị về hiện đại hóa công tác kế toán.

Các kiến nghị đề xuất đều xuất phát từ thực tế tại công ty nên có thực tế khả thi.

Em xin chân thành cảm ơn ban lãnh đạo, các anh chị trong phòng kế toán của Công ty TNHH Chế Biến Lâm Sản Quế Lâm đã tạo điều kiện giúp đỡ trong quá trình thực tập cũng như sự hướng dẫn tận tình của thầy giáo **ThS. Nguyễn Văn Thụ** để em có thể hoàn thành tốt bài khóa luận này.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên

Hoàng Huệ Anh